

VIỆT-NAM

Giải-Phóng

MỤC LỤC

- * Cùng các độc-giả thân yêu
- * Ngày xưa, khi mới độc-lập, nước ta sắp đặt công việc ra thế nào ?
Nguyễn-văn-Tố
- * Ông Nhượng-Tổng với Việt-nam quốc-dân-dảng
Phạm-mạnh-Phan
- * Gọi máu hi-sinh
Song-Cối
- * Ngựa sĩ tự văn ca
Lê-Thước
- * Cụ Phan-bội-Châu với « Hải ngoại huyết thư »
Dương-tự-Quán
- * Lời chào-cờ
Thi-Nham
- * Thơ và câu đối quanh việc Hoàng-Điện tử trung
H. B.
- * Tai nghe mắt thấy trong thời Pháp đô hộ
Tiền-Đàm
- * Những cuộc cách-mạnh từ khi Pháp thuộc
Hoa-Bằng
- * Vận-dộng độc-lập : Cụ Đốc-dinh-Trạch (1845-1917)
Long-Điền
- * Tội ác người Pháp
Trúc-Khê
- * Thanh niên trước cuộc giải-phóng của đất nước
Phạm-mạnh-Phan
- * Việc học độc-lập
Nguyễn-Pavơng

3\$00

Đặc-san Tri-Tân

Số 185-186 ra ngày Thứ Năm 10-5-1945

Tòa báo 95-97 Phố Chanceaulme—<https://tieulun.hopto.org>

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN YÊU

Trong hơn bốn năm nay, ở dưới quyền đô hộ người Pháp, tư tưởng cũng như ngôn-luận đều bị chới buộc đàn áp, bản chí đã vì chế độ ấy mà nhiều việc chưa làm nổi, nhiều điều chưa nói hết, nên trên đường văn hóa chỉ mới gọi là nhắc đến các bậc anh - hùng, liệt sĩ, trong các số báo và đặc san đã ấn hành, để bạn đọc thấy chút rung động lòng ái quốc mà có tư tưởng về dĩ vãng của Tổ quốc.

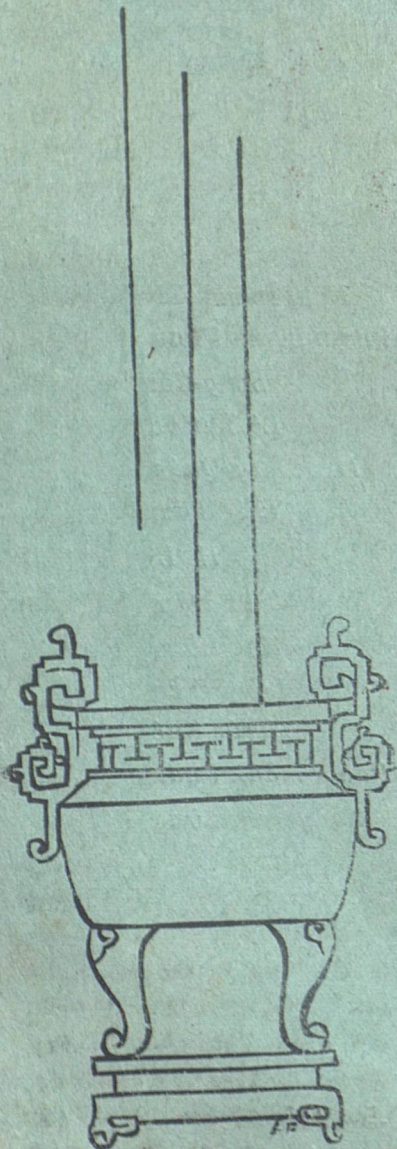
Đến nay đứng trước thời cuộc ngoài việc ỔN CỐ chúng tôi cũng cần phải làm việc TRI TÂN để hưởng ứng với việc giải phóng mà quân đội Nhật bản đã vì chủ nghĩa Đại - đồng Á, giúp nước Việt-nam mở một giai đoạn mới trong lịch sử.

Bản chí đã có chút an ủi là việc làm của mình có lẽ đã được đôi chút ảnh hưởng vì từ Nam ra Bắc phong trào lịch sử thật đã bùng bột khác nào như ngọn lửa bùng cháy vậy.

Căn cứ vào cái đích mà chúng tôi đã nhắm trong bao năm, ngày nay bản chí sẽ theo một thể tài mới để phụng sự Tổ quốc, làm tên phu gánh gạch, khiêng vôi trong việc xây đắp nền tảng độc lập.

Bản chí xin trông mong ở lòng tin nhiệm và sự cộng tác của các bậc tri thức cùng các nhà ái quốc để làm hết phận sự một cơ-quan mà tôn chỉ là « phụng sự Tổ quốc ».

TRI-TÂN



NGÀY XU'A, KHI MÓI ĐỘC-LẬP, NƯỚC TA SẴP - ĐẶT CÔNG - VIỆC RA THỀ NÀO ?

Ông-hoà NGUYỄN-VAN-TO

Nước ta từ ngày lập quốc đến nay, trải bao phen Bắc-thuộc, mỗi lần bị quan Tàu hà - khắc, thì lại có những bậc anh-hùng, hào - kiệt nổi lên, đánh đuổi người Tàu ra khỏi bờ cõi, để lấy lại giang sơn, như Trưng - Vương, Lý-Bí, Khúc-Hiệu, Ngô-Quyền, Đinh Tiên-hoàng, Lê Thái-tổ..., đều là những tấm gương sáng trên trời đất độc-lập, ta nên soi vào đây, xem công việc trị-nước của các nhà độc-lập có xứng đáng với nghĩa tự-chủ hay không nên tôi tham-khảo các sử chữ nho chép ra bài này, nhưng không phải là dịch tất cả bộ sử Đại-Việt chỉ chép công việc của một vị khai-sáng hoặc một vài đời kế-tiếp, tức là chép những công việc khi mới độc-lập.

Đầu tiên chép việc Trưng-vương. Xưa nay các nhà làm sử, hễ nói đến việc khởi-nghĩa hay độc-lập, thì ai cũng-phải nói đến Trưng-vương. Chính thế, nhà Hán quận huyện nước ta từ năm 110 trước Thiên-chúa, đến năm 31 sau Thiên - chúa, thì có Tô-Định sang làm thái-thủ Giao - chỉ: Tô-Định là người tham bạo, Trưng-vương nổi giận, cùng em là Trưng-Nữ khởi binh đánh bầm châu-trị. Tô-Định chạy về Nam-hải, Trưng - vương lược - định 65

thành (7) ở Lĩnh - nam, tự lập làm vua vào năm 40 đến năm 43 sau T.C: thì mất. Cứ kể ra, làm vua được có ba năm. thì công việc đã có gì là vất vả? Nhưng các sử ta (*Khâm định Việt sử tiền biên* q. 1, tờ 10 a *Đại - Việt sử ký toàn thư*, q. 3, tờ 7a) đều chép câu « lược định Lĩnh-nam lục thập ngũ thành », sử Tàu (*Hậu Hán thư*, q. 21, tờ 2a *Ngự Phê Lịch đại thông-giám tập lãm*, q. 21 - tờ 43 b) cũng chép chữ « lược Lĩnh - nam lục thập dư thành » : tra *Từ nguyên* (q. ngoại, trang 65) thì « lược » nghĩa là trị, nghĩa đơn là sửa sang, vậy thì công việc vất vả của Trưng - vương tức là ở câu ấy; vì đời đã xa và sử ta mới đến đời Trần mới có, 13. với việc Trưng - vương là ng. tin nằm về trước tôi chép sao cho rõ được? Song sử Tàu đã chưa chép chữ « lược » thì biết việc vất - vất về đời ấy, không phải là không có.

Cách 493 năm nữa, lại có một vị anh-hùng gây nên độc-lập cho nước ta, là Lý Nam-Việt-đế, tức Lý-Bí hoặc Lý-Bôn. Năm 541, thứ-sử Giao-châu là Tiêu - Tư vì khổ-bạo mất lòng dân, nên Lý-Bí mưu khởi binh đánh đuổi Tiêu-Tư, hào-khiet các châu đồn hướng-ứng. Tiêu-Tư biết tin, chạy về Quảng-châu, Lý - Bí ra giữ thành Long-

biên (*Khâm định Việt-sử, tiền-biên*, q. 4, tờ 1b *Đại-Việt sử-ký, tiền-biên*, q. 5, tờ 1b *Đại - Việt sử - ký toàn thư*, q. 4, tờ 15a) - Đến năm 544 Lý-Bí từ xưng Nam-Việt đế, đặt niên - hiệu là Thiên-dức (nước ta đặt niên - hiệu bắt đầu từ đây), gọi tên nước là Vạn. Xuân mừng cho ngôi nước được lâu dài đến muôn đời, dựng đền Vạn Xuân để làm nơi thờ - hội. Đặt trấn quan, cho Triệu-Tý làm Thái-phó, Tinh - Thái làm tướng văn, Phạm-Tý làm tướng võ (*Khâm định Việt-sử, tiền-biên* q. 4, tờ 2b và 3a *Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 4, tờ 15b *Đại-Việt sử-ký, tiền-biên*, q. 5, tờ 2a).

Kể từ khi Trưng - Vương mất nước (43) đến năm Lý - Bí dựng Tiều-Tư về Tầm (541), gần năm trăm năm Bắc - thuộc, tuy người Tàu có đem những chôn - sách khảo-khảo để ra đời hóa dân ta, nhưng dân ta lúc nào cũng nghĩ đến chữ độc-lập, tự-chủ, cho nên Lý Bí bèn (bước-thời, lập quốc, đổi tên nước, đặt hiệu Vua, sắp đặt trấn quan, xây dựng cung điện : Gai qui - mở trị nước, độ-lượng đế vương, có thể gọi là gần đủ. Còn về sự được thua, vì quân mình ít, quân Tàu nhiều, không nên lấy thế mà khải-lễ. Anh-hùng, cho nên Vua Tự-đức có phê (K. đ. v. s., q. 4, tờ 7a) rằng : « Lý

Nam đế tuy sức không địch nổi, cho nên việc không thành, nhưng mà biết thừa thời quật khởi, tự lập làm đế - quốc, thì cũng đáng làm tiên thân cho họ Đinh họ Lý. » « Thật là một cử chỉ khen, vẻ vang hơn mặt áo long cồn, nếu Lý Bì có thiêng, cũng nên nói rằng : « ấy là người tri kỷ nguyền thù của ta » (*Sử ký cải lương*, của Nguyễn Đình Tuân, bản sao tr. Bắc cô, số A 1146, tr. 1, tờ 38a).

Hơn ba trăm năm sau (602 — 900), lược a lại nổi lên một giã họ Khúc, ba đời kế tiếp nhau làm tiết độ-sứ, tức là Khúc Thừa-Dụ (sứ chép là Khúc Thiên-cử), Khúc-Hiệu (Khúc-Trung-chú) và Khúc-Thừa-vũ (Khúc Hậu-chúa); tuy chưa lập quốc xưng vương nhưng người Nam ca tụng lấy dân Nam, thì họ Khúc chính là cá mìn cho họ Ngô, họ Đinh về sau. Mà cứ xem như trong sử đã chép, tất những việc của Khúc-Hiệu, đáng làm khuôn-mẫu cho các đời tự-chủ độc-lập về sau. *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 15 a) *Ngự chế Việt sử, tông vịnh*, (q. 2, tờ 14 b) đều chép rằng : « Khúc - Hiệu một người giỏi, tự lập làm vua, xưng tiết độ sứ của định các xứ, lộ, phủ, châu, xã, đặt chức chánh - lỵ trưởng, và tá - lỵ trưởng, chia đều thuế ruộng, tua những việc một nước vô hề chỗ nhân dân, làm sổ hộ tịch (tức là sổ dnh của ta bây giờ, còn như sổ hộ tịch của ta bây giờ là sổ sinh, tử giá thú) nên chép họ lên làng quán, người

Giáp-trưởng trông coi. Chính-sách cốt khoan-nhân giản-dĩ, dân được sống lại và nghỉ ngơi ». Khúc-Hiệu làm tiết - độ sứ được mười năm (907-916) thì mất.

Cách hơn hai mươi năm, có Ngô - Quyền nổi lên giết Kiều công-Tồn để trả thù cho Quân-phụ, đuổi Nam-Điền để trả nợ cho nước, rồi tự lập làm vua. *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 20 a b), *Ngự chế Việt sử tông vịnh*, (q. 4, tờ 6 b), *Đại Việt sử ký toàn thư*, (q. 5, tờ 29 b) *Đại Việt sử ký tiền biên* (q. 7, tờ 6 a b) đều chép rằng : « Năm kỷ hợi (939) mùa xuân, Ngô-Quyền xưng vương đóng đô ở Cổ - Loa. Đặt ra trăm quan, chế ra lễ nghi triều đình, sửa định phục sức : « Phục sức, tuy sử không chép rõ đời ấy định thế nào, nhưng đại khái như vua thời mặt áo vàng, quan to thì áo đỏ, quan nhỏ thì áo xanh, áo lam, rồi đến học trò thì áo thắm).

Sử thần Ngô - sĩ - Liên có bài bản rằng : « Nhà Tiền - Ngô dấy lên không, nhưng có công chiến thắng, cả đến việc đặt trăm quan, chế lễ nghi, trông triều, định phục sức, cái qui-mô để vương đế thấy đấy; thế mà hưởng nước không được lâu dài, chỉ vì thấy cái hậu-quả-trị bình, dưng tiếc thay ! » (*Khâm định Việt sử, tiền biên*, q. 5, tờ 21 a *Đại-Việt sử-ký, toàn thư*, q. 5, tờ 21 a-b).

Lê-văn-Hưu bản rằng : « Tiền Ngô - vương đem quân tấn tập (mới nhóm) của nước ta, phá được quân trăm vạn của Hoảng-Tháo,

mở rộng cõi đất, tự xưng làm vua, khiến người Tà-kỳ đả n sang ta nữa ; có thể gọi là « mở lần tức giận mà yêu được dân thật là khéo mưu mà khéo đánh ». Tuy quốc xưng vương, chưa dám xưng đế và đặt niên-hiệu, mà cái nền chính thống của nước Việt ta, ngổ ngáo lại đổi được » (*Đại Việt sử ký toàn thư* q. 5, tờ 21 a *Đại-Việt sử-ký, tiền biên*, q. 7, tờ 6 b).

Nguyễn-định Tuân làm bộ *Việt-sử Cải-lương* có bài bản rằng « Tiền Ngô-vương trong sửa chính trị, ngai đẹp giặt cuáp, thật là công-nghiệp anh hùng, trên nổi quốc-thống của Hồng-bàng, dưới mở nền cho Đinh, Lê thật là một bậc anh-kết « quang thế » dụ hậu-sáng về trước, truyền về sau » của nước Việt ta » (*Đại Việt sử-ký cải lương*, số A 1146 tờ 62 b).

Ngô-Quyền làm vua được có sáu năm thì mất (939-944). Từ năm 945 đến 965 vua Dương-tam-Khai lên ngôi, vừa nai con Ngô-Quyền không hợp n ai, có việc không có gì đáng chép.

Đến năm 965, Ngô-Xương-Văn mất, anh hùng trong nước không ai chịu ai, mỗi người chiếm cứ một chỗ thành ra thời - lý mười hai sứ quân, được hai năm, thì Đinh Bộ-Lĩnh mở cờ hồng lau, bình định th yên-định, đánh dấu được đấy, nên gọi là Vạn-trượng-vương.

« Năm mậu thìn (968) Vạn-trượng-vương lên ngôi hoàng-đế đặt lên nước là Đại-cổ-Việt. Lúc ấy vua (Đinh-tiên - hoàng) muốn đóng kinh đô ở Đầm-thôn, nhưng vì đất hẹp mà không có lộ, bèn trở, bèn dựng kinh đô mới ở Hoa

từ (nay phủ Trường-yên thuộc tỉnh Ninh-bình), đắp thành, đào hào, xây dựng cung điện, chôn ra lễ nghi chôn triều-đình » (*Khâm-định việt sử, chính-biên*, q. 1, từ 1 a đến 3 a *Đại-Việt Sử-ký, tuận-thư bản-ký* q. 1, từ 2 b).

Năm 971, định giải phẩm các quan văn võ và định giải phẩm các ông đạo. Năm 975, định mũ áo các quan văn võ. Năm 974, « chia trong nước làm mười đạo, đặt ra mười đạo quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ tử Phương bình-dinh (mũ làm bằng da, bốn bên khâu giáp nhau, trên hẹp dưới rộng, gọi là bình-dinh) (*Khâm-định Việt sử* q. 1, từ 4 a đến 6 a).

Về việc đặt mười đạo quân, « sử thần Ngô Ngộ-Phong (tức Thi-Sĩ) có bài bản rằng : « Xét ra cái phép quân-lữ này, từ một ngũ mười người đến một đạo mười quân, tính số ra, thì mỗi quân một vạn người, tổng cộng số mười đạo quân, thành ra một trăm vạn người, lấy sự ăn mặc của một trăm vạn người ấy, thì phải phiền phí đến ức vạn người cung ứng mới đủ. Nếu như thế, thì sức lực trong một nước, sao có chịu nổi ? Cắt là lúc bấy giờ ở chưa chia rẽ, binh với nông, hề có việc thì dốt ra làm lính, xong việc rồi lại cày và làm ruộng ; này là phước lỗi lành dẫn ở bốn trấn ngày nay, cái có tên trong số lưu mà thôi ». (*Lịch-triều kiến-chương*), bản

sao trường Bắc-cổ, số A 50, q. *Bình-chế*, tr. 6).

Thế là xấp đặt về việc nước, việc dân, về binh dù cả.

« Vua (Đinh Tiên hoàng) muốn lấy dãi, để trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ trong cũi, rồi hạ lệnh rằng : Ai trái phép thì mổ (để nấu ở vạc) và cho hổ cắn, người dẫu sợ hãi không ai dám phạm ». *Khâm-định Việt sử* q. 1, từ 3 a).

Ay công việc kiến thiết của đời Đinh chỉ thấy sử chép như thế. Một lẽ là Đinh Bộ-Lĩnh làm vua không được bao lâu, hai là đến đời Đinh mới chính thức độc lập thì các công việc còn phải sửa sang dần, hai là đến đời Trần mới có sử, đối với đời Đinh thì công việc ba trăm năm về trước, chắc sử chép còn thiếu. Bởi những cơ ấy, cho nên không thấy đời Đinh có mấy nổi việc.

Đại Việt sử ký cái lương (từ 74 a-b) có bài bản rằng : « Nước Việt ta từ chi họ Triệu họ nhà Hán thôn-tính, hơn một nghìn năm Bắc thuộc, thỉnh thoảng có người anh hùng khởi lên, như Trưng Nữ-vương, Lý Nam-Đế, Frêu-Việt Vương, Mai-hắc-Đế, Phùng-dô Quân, Ngô-Vương Quyền, họ họ công việc không xong, hoặc chỉ có hai đời đến như Đinh Tiên-hoàng, tự xưng đế nước mình, thông sứ sang Tàu, tuy rằng qui mô hãy còn lạo thảo, chưa có thể hoàn toàn, nhưng quốc

thống nước Việt ta thực bắt đầu từ đây ».

« Xét ra nước ta, từ cha con họ Khúc, dần dần đã có cái thế tự chủ giang sơn ; Ngô Vương giết được kẻ thù của quân phụng, đuổi được quân Nam-hán, tuy được cái quyền người Tàu áp chế, một mình chuyên vạc cả vào trong tay, có thể gọi là bậc hào kiệt ; Đinh Bộ-Lĩnh quật khởi, nhân đó mà xưng đế cả cõi đất. Người sau đem cái công chính thống quý cho họ Đinh, há không truy nguyên đến họ Ngô mà suy lên họ Khúc hay sao ? ».

« Đinh Tiên-hoàng làm vua được mười hai năm (968-979) thì bị giết, còn là Đinh-Toàn nổi đời được tám tháng, vì tình thế đối với nước Tàu mà phải để cho Lê-hoàn làm vua, tức là Lê đại hành.

Lê-Hoàn tuy đối với họ Đinh vẫn mang tiếng là cướp ngôi, nhưng lúc bấy giờ ở nước không có Lê-Hoàn cũng có quân Tổng, thì ai là người giữ lấy nền độc-lập của nước ta ? Lê-Toàn lại là người có óc kiến-thiết hơn cả ông vua độc-lập khác các khoảng thế kỷ thứ mười : xen vào sử chép dưới này đủ biết Lê-Hoàn đã có cái công phần làm cho quốc phá binh cường.

Sau khi đánh được Tống rồi, Lê-Hoàn nghĩ đến việc đuổi giặc. Nguyên nước ta từ đời Lê Đại-Hành ở về về trước chưa

(Xem tiếp trang 31)

Cuộc phỏng vấn của Tri-Tân

ÔNG NHƯỢNG TỔNG VỚI VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

PHẠM-MẠNH-PHAN

Việc tuột khi giới quân đội Pháp đem móng 9 tháng ba dương lịch 1915 đã đem lại nền độc lập cho nước nhĩ. Trong khi quốc gia được giải phóng, các đảng chính trị đã thấy công nhĩen xuất đầu lộ diện để làm việc cho tổ quốc.

Nhều người nhĩen nhĩ đến Việt nam quốc dân đảng, một đảng chính trị đã gây nên bạo vụ đỏ máu gĩa hồn để chống lại với kẻ thù chung.

Muốn biết về Việt nam quốc dân đảng, không gì bằng hỏi ngay một yĩ nhân của đảng đỏ, ông Nhượng Tổng, người đã trong thành với đảng ngay từ lúc khai sơ.

Tôi đã gặp ông ngay tại nhà trọ ở phố Cửa Nam, ông là một cựu chính trị phạm và trước kia là một biên tập viên đặc lực của Thực Nghiệp dân báo. Trong làng bút mực, cái tên ông không phải xa lạ.

Ông bạn nam phục và có vẻ nhĩen nhĩ. Với, những cử chỉ ôn tồn, ông đã tiếp tôi trên một căn gác vắng vẻ.

Bước chân vào phòng, tôi như có cảm tưởng đã lạc lõng vào

một nơi đầy những sự bí mật và quan trọng!

Tôi nhĩen nhĩ vào chuyện:

— Chúng tôi mong ông cho biết qua về lịch sử Việt nam quốc dân đảng mà nhiều người đang mong đợi.

Ngồi xếp chân vòng chĩa trên chiếc ghế bành kiểu mới, và nhìn thẳng vào tôi, ông bắt đầu phĩa một mối ngờ về lai lịch của đảng:

— Nhiều người ngờ rằng Việt nam quốc dân đảng lập nên do các anh em ở ngoài như Nguyễn hĩa Thần, tức Tú Nhạc ở Quảng Châu bên Tàu. Ông Hải Thần quê ở Đại từ và là giáo sư trường Hoàng-phổ. Ông có lập một đảng cách mệnh, nhưng không đĩn hĩa gì đến Việt nam quốc dân đảng của chúng tôi lập ngay tại nước nhà vào hồi năm 1926-1927.

Tôi ngắt lời ông để tìm tới nguồn gốc của đảng:

— Vĩ, vì một nguyên nhân gì mà ông và các bạn đồng chí lập nên đảng?

— Giao đó tôi còn nhớ đầu vào năm 1925 tôi phải, sau hội viên toàn quyền Merlin bị ném bom ở cạnh Quảng - châu, anh Nguyễn Khải Học và tôi thấy ở Đông dương, người Pháp chỉ thi hành chính

sách giả dối và lừa lọc. Mặc dầu viên toàn quyền mới Varenne thuộc đảng xã hội xuống lên cái thuyết Pháp Việt để lừa, nhưng chúng tôi thấy chỉ là câu chuyện lường gạt và che đậy sự vô yĩ của họ. Dưới chế viên toàn quyền mới, dân Việt nam ta lại càng bị trối buộc hơn bằng những đạo luật thất cổ, nĩn luật về báo chí chẳng hạn!

Toàn dân lấy làm thất vọng. Và thất vọng người Pháp giao đó giống hệt như câu tôi đã viết trong cuốn *Cách mệnh tiên thanh*: *« Tay phải giờ ra để huĩ, nhưng tay trái luôn xuống để lần lĩn móc túi »*!

— Cuốn sách đó ông có cho xuất bản?

Ông Nhượng Tổng cười và đáp:

— Những sách như thế giao còn họ cái trị thì xuất bản làm sao được. Cuốn đó tôi đem in « lậu » để phân phĩa cho các đồng chí.

Ngừng một vài giây như để ôn lại những bước đường đầu trong đời chính trị, ông nói luôn một mạch:

— Tôi nghĩ họ không thật tâm khai hóa cho mình thì cộng tác

với đồ ăn làm sao được. Tôi quyết tranh đấu, tranh đấu đến cùng. Tôi vẫn là một người đầu óc ưa hòa bình nên nghĩ ngay đến hòa bình cách mệnh.

Một mặt, tôi cùng Phạm Tuấn Tài, Phạm Tuấn Lâm, tức Đạt-công, là hai bạn thân, lập nên Nam đồng thư xã để cho xuất bản các sách có tính cách tuyên truyền, cổ động tinh thần ái quốc và giúp đỡ đồng bào trong việc công dân giáo dục.

Một mặt, tôi cổ động các thợ thuyền, các công chức lập lên những hội tiết kiệm và hợp tác xã để dự bị một cuộc tổng bãi công. Tôi tin rằng nếu thi hành điều dự định của tôi thì môn tiền các thợ thuyền cùng các công chức tiết kiệm trong sáu năm sẽ đủ nuôi họ và gia đình họ để đồng lòng bãi công trong sáu tháng! Sau sáu tháng thì trong công việc hành-chính và các ngành công thương đều hỗn loạn.

Trong khi ấy và chỉ khi ấy chúng tôi sẽ cổ động đến quần chúng sự bất mãn thượng lộnh! Nhờ sức ủng hộ của binh công, chúng tôi mong sẽ làm xong cuộc quốc gia cách mệnh!

Tôi đã bắt đầu khởi đi thi hành điều tôi ước mong vì đó chính là tôi cách mệnh hòa bình.

Nhưng khi gặp anh Nguyễn Thái Học, anh Hồ Văn Miệch thì các anh cho cái chương trình của tôi hoàn toàn thuộc không tưởng (utopia) không thể thực hành được ở xứ mình. Anh Học nói:

— « Người Pháp đã cướp máu cuống quỳ của ta, ta cũng phải cướp

máu mà đòi lại! Muốn lấy lại tiền độc lập cho đồng bào thì phải cần dùng đến vũ lực để đánh đổ chủ quyền người Pháp, để đòi họ ra khỏi đất nước này ».

—?—

— Sau ba đêm bàn bạc với các đồng chí, đều đồng ý của anh Học được mọi người tán thành. Tôi năm đó kèm anh Học ba tuổi, mới có 21, là người bé nhất. Lễ cổ nhiên tôi phải phục tùng đa số.

Từ khi đó chúng tôi mới liên lạc các anh em đồng chí ở khắp nơi mà bí mật hành động để lập nên Việt nam quốc đảo-dăng.

Ở các nơi như Thanh-hóa, Bắc-ninh, Hưng-yên giáo đồ đã có những đoàn thể cách mệnh, nhưng những đoàn ấy chưa có danh hiệu cùng chương trình hành động rõ ràng và duy nhất.

Chúng tôi gặp anh em rồi tất cả đều nhập vào đảng do chúng tôi tổ chức.

Cổ động trong ít lâu mà đảng viên của đảng đã rất đông. Theo các sách của người Pháp thì cổ tôi vài nghìn người, nhưng đó là theo số người bị bắt vào năm 1929. Đảng ra thì đảng bấy giờ đã có trên hai vạn, và đến 1930 tất cả Bắc-Lý đảng viên đã lên tới trên 7 vạn người!

Ngay nhiên về con số vĩ đại ấy, tôi liền hớ hớ sang câu hỏi chính:

— Với một tổ đông đảng viên ấy, chắc cách tổ chức của đảng cũng....

Tôi chưa nói hết lời thì người tôi phỏng vấn liền tiếp luôn:

— « Chúng tôi đã tổ chức đảng của làm 4 bậc: trung ương đảng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ và chi bộ.

Trung ương có 8 ban: ban tài chính, ban tuyên truyền, ban tổ chức, ban binh bị, ban giám sát, ban trình thẩm, ban giao thông và ban âm sát.

Dưới trung ương đảng bộ là kỳ bộ. Tại cả có 3 kỳ: Trung, Nam, Bắc.

Từ tỉnh bộ trở xuống chỉ có 4 ban, tuyên truyền, tổ chức, tài chính và giám sát.

Mỗi chi bộ có 19 đảng viên vì giáo đồ cổ lệ cấm không được hội họp quá 19 người. Nói là 19 nhưng nhiều khi mỗi chi bộ không đủ con số đó. Mỗi khi họp ở nhà thì do ban tổ chức tìm nơi và quyết định rồi mới an lòng sẽ do các đảng viên truyền đi, đảng viên ấy ở trong bộ giao thông.

Trong trung ương đảng bộ, anh Nguyễn Khắc Nhu tức Sử Nhu làm chủ tịch, còn anh Nguyễn Thái Học thì là phó chủ tịch.

Đến 1929 đảng chúng tôi chia làm hai ban: ban lập pháp và ban chấp hành. Ban lập pháp thì anh Sử Nhu đứng đầu. Ban chấp hành thì anh Nguyễn thế Nghiệp.

Nghen xem một đoạn dài về cách tổ chức đảng, tôi tò mò muốn biết cách vào đảng, lên hội:

— Mỗi khi một người muốn vào đảng thì buộc phải có những điều kiện gì?

— Có! Muốn vào đảng thật liên phải có 2 người trong đảng giới thiệu. Khi đảng phái người đi đưa tra trong một tháng. Việc đưa tra ấy đảng ủy cao ban trình thẩm.

(Xem tiếp trang 34)

Khi mới độc-lập, . . .

(Tiếp theo trang 5)

có tiền, dân gian đại khái đem những đồ đạc đổi lẫn cho nhau; đến việc dùng người, có tư tiền bên Tàu đem sang, nhưng (loãn-hóa) (kho của) chưa lưu thông, nên công tư đều không tiện. « Năm 984, vua Lê Đại-Hành cho đúc tiền Thiên phúc » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 20 a) :

Như ta đã thấy có tiền từ đây (Lịch-triều hiên-chương chép việc tiền-tệ từ đời Lý (thi nhâm)).

Đến tới việc binh, Lê Đại-Hành rất chú ý : « Năm 986, chọn những người khỏe mạnh bỏ vào quân túc-vệ, gọi là thân-quân, đều chọn họ chữ « Thiên-tử quân » ở chân » (Khâm-định Việt-sử chính-biến, q. 1, tờ 21 a) : ba chữ Thiên-tử quân có lẽ là tên một đội; ta thử nêu cho lợi chạm chữ như thế là mãn-tự, vì văn-thần của ta có từ đời Hùng bang, mãi đến đời Trần mới bỏ.

« Năm 1002, kén những người khỏe mạnh ở trong dân đinh sung vào đội ngũ, của tướng hiệu làm hai ban, một ra vì ngoài (?) mũ đầu-màu đỏ (c) cho lục quân » (Khâm-định Việt-sử chính-biến, q. 1, tờ 35 a).

Trị nước phải có pháp luật, nên đến năm 1002, vua Lê Đại-Hành muốn « biểu cho các bầy tôi hiểu ra luật lệnh, đề-bạc hành trong nước » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 35 a).

Lại muốn mở đường, nâng cấp để khuyến dân, nên thân làm (ây ruộng tịch điền (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 23 a).

« Năm 1002, dời mười đạo làm lộ, phủ và châu (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 35 b). Nguyên đời Đinh chia trong nước làm mười đạo, đến đời Lê Đại-Hành dời lại, nhưng không rõ cách xếp đặt thế nào.

Ngoài việc binh, việc nông, việc dân, trong đời Lê Đại-Hành lại có mấy việc công-xác như việc-đào cảng-mở đường :

« Năm 983, đào sông Tân-cảng. Nguyên khi vua Lê Đại-Hành đi đánh Chiêm-thành, qua từ núi Đồng-xỏ (xã Đan-phù, huyện Yên-dịch, Thanh-hóa) đến sông Rà-hòa (xã Đồng-hòa, huyện Ngọc-sơn, Thanh-hóa) đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mỏi mệt, bèn sai đào từ-cảng, dài bảy (9+3) dặm xong, công tư đều được thuận tiện » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 20 a).

« Năm 992, sai phụ-quốc là Ngô-tử-Ar đem ba vạn người mở rộng đường bộ từ cửa bể Nam-giới (ở giáp giới Nghệ-an và Hà-tĩnh bảy giề) đến châu Đại-lý của Chiêm-thành (nay phủ Quảng-minh thuộc Quảng-binh) » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 28 b).

« Năm 1003, vua Lê Đại-Hành đi vào Hoan-châu, đào cảng Đại-cải » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 35 b).

Từ Đinh (968-979), Lê (980-1009) trải qua Lý (1010-1224), Trần (1225-1413), ngót ngàn trăm năm độc-lập, công việc của các vua đời trước, cha truyền con nối càng ngày càng mở mang thêm, mà càng ngày càng được hoàn-thiện. Cho nên khi vua Lê-Lợi khởi nghĩa-binh đánh đuổi

người Tàu; lấy lại quyền độc-lập thì công việc dân ra đây.

Nhà Minh sang xâm chiếm nước ta từ năm 1414, cách năm năm (1418) vua Lê Lợi khởi binh, mãi đến năm 1427 mới đuổi được quân Minh về Tàu.

Thế-mà trong năm 1426 vua Lê-Lợi đã làm những việc có khi-lượng độc-lập, có qui-mô tự-chủ. Như việc mở Khoa thi lấy nhân-tài để bổ các chức. Khâm-định Việt-sử (q. 13, tờ 26 a-b) chép rằng : « Lúc bấy giờ vua (Lê Lợi) ở hành dinh Bồ-đề (ở thôn Phú-hu, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-Ninh) bèn nâng học-trò văn học biểu dụ ở thành Đông-quang, vua thân đến chấm thi... lấy tất cả ba mươi sáu người đỗ, bổ chức-An phủ sứ các lộ và chức Viên-ngoại-lang sáu bộ » (Việc này Đại-Việt-sử ký bản kỷ thực lục, q. 10, tờ 26 a chép hơi khác).

Song năm sau (1427) vua Lê-Lợi « ra lệnh cho các lộ liên-cử người hiền-lương phụng-chính, tri-dĩng Lão-kiệt triện vào ứng đối xứng chỉ thì dưng, nếu ai che lấp tà-đức người khác thì bị giáng bị truất » (Khâm-định Việt-sử q. 14, tờ 15 a).

Đến tháng mười hai năm ấy vua Tàu bỏ bổ-chính-sứ-ty ở Giao-châu, Vương-Pông đem quân về Tàu; thế là vua Lê-Lợi đã toàn quyền tự chủ nước Đại-Việt. Sang tháng giêng năm sau (1428) tuy chưa lên ngôi hoàng đế, nhưng vẫn lưu tâm đến việc học. Cho nên « trong kinh-sư đặt nhà quốc-tử-giám, kén con cháu các quan và những người

tuần từ ở dân gian vào học; ngoài thì đặt các nhà học từng lộ, kéo con em những nhà lương gia ở dân gian sung vào hiệu sinh ở lộ; đặt chức sư nhỏ để dạy bảo» (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 2 a). Vào khoảng tháng mười năm ấy (1428) vua Lê-Lợi «ra lệnh các quan đại thần tiến cử những người hiền-lương phương-chính» (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 14 b).

Tháng giêng năm sau (1429) ban chiếu kén con các quan văn võ vào hầu hoàng thái-tử học (võ từ quân-lính, văn từ hành-khiển trở lên); kén con trai từ 9 tuổi đến 15 tuổi được vào hầu hoàng thái-tử để cùng học) và đến thụ nghiệp ở nhà quốc-học (võ từ đồng-tri trở xuống đến đại-dội-trưởng, văn từ thượng thư trở xuống đến thất phẩm, có con trai từ 9 tuổi đến 17 tuổi đều được đến học ở nhà quốc-học) (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 17 a-b).

Tháng năm năm ấy (1429) ban chiếu cử những hiền-tài con «tốt» và «thi minh kinh Nguyên trước» kia vua Lê-Lợi sắc các quan văn võ trong kinh ngoài nước, từ từ phẩm đồ xuống, văn thông kinh sử, võ thông võ-kinh, đến tháng năm năm sáu, tề tập cả ở Đông-kinh; đều đem nghề-nghiệp mẫu khảo-thi, đến đây (1429) mở khoa Minh-kinh, lại sắc quan-nhân sắc lộ và những người lâu dài ở rừng núi, ai thông kinh sử giỏi văn chương, đều tới tỉnh đường chờ lệnh quan cùng thi» (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 23 a-b).

Năm 1431, tức là «năm thứ tư hiệu Thuận-thiên, mở khoa thi hoạch-thứ. Lúc ấy vua ngự hành cung Bồ đề xem thi, bọn Nguyễn Thừa Tiễn (người xã Nội duệ, huyện Tiên-du) được, rồi cho sung làm ngự-thiên học-sinh» (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 23 a và Đăng khoa lục, q. 1, tờ 2 a-b).

Năm 1433 tức là «năm thứ sáu hiệu Thuận-Thiên. Vua (Lê-Lợi) thân ra đầu bài thi, «chưa rõ bao nhiêu người đỗ, có chép Chu-Xa (người huyện Yên-Phú) đỗ đầu» (Đăng-khoa-lục, q. 1, tờ 3a). Xem như thế thì vua Lê-Lợi làm vua có sáu năm, mà mở đến bốn khoa thi, còn những chiếu cần hiền, cử-di đủ nhiều lắm; thế mới biết vua Lê-Lợi không những lấy võ công mà thịnh thiên hạ, chính là nhờ văn sức mà được thái- bình.

Trong việc ấy có một điều xuất sắc hơn các vua Đinh, Lê, Lý, Trần là: «tháng sáu năm t ở hai hiệu Thuận thiên (1429) sắc các tăng đạo, ai thông kinh điển, cần thiện giới hạnh, tới tỉnh đường khảo thi, hề trước tuyên thi được cấp tiếp làm tăng còn ngoài ra phải hoàn tục» (Khâm định Việt sử, q. 15, tờ 24 a). Như thế, thì không đến nỗi quá tham-ư thượng Phật như Lý, Trần, mà những phường «trốn cửa lộn dòng» như phường-nhôn đã nói, cũng không có chỗ dung-thể để làm ô-danh chỗ Phật giáo.

Xong việc họ việc thi, đến việc sắp đặt trăm quan. Như năm

1426, tức là sắp đến năm lấy lại hết cõi đất, «Vua Lê-Lợi chia các lộ ở Đông-dô làm bốn đạo, đặt các quan văn võ trong kinh ngoài nước và chức tuần-kiểm ở cửa bể, đề cử rất nhiều người đi và đem thư về Tàu» (Khâm định Việt sử, q. 13, tờ 32 a).

Tháng tư năm 1427, «vua ban ba điều huân-giới răn trăm quan: một là chớ về tình; hai là chớ lừa-dối, kinh-nhờn; ba là chớ gian và tham» (Khâm định Việt sử, q. 14, tờ 13 b).

Năm 1428 «Ra lệnh cho các đại thần xét những thuộc viên trong ngoài chia làm ba bậc: bậc nhất là văn võ tài cán; bậc nhì là học thức tinh mẫu; bậc ba là tinh thông thư toán» (K. đ. v. s. q. 15, tờ 9 b).

Đại khái việc sắp đặt trăm quan như thế.

Còn đến việc binh, thì khi vua Lê Lợi khởi binh, tuyển những dinh khỏe mạnh ở Thanh - hóa, Nghệ - an, Tân - bình, Thuận - hóa làm lực-hỗ nữa có ba người dinh trưởng, thì một người dẫn quân Poam các sáu thuộc địa, ba năm. Sau khi bình Ngộ (thực là đuổi người Tà-môi, lên đất các lộ làm lính). (Lịch triều hiến chương q. bốn sau phần Bội-cổ số A-50 q. Bình chử, trang 46).

Năm 1428-Vua dụ các quan thiêu hủy và các quan sắp đặt trong quân lính, này (không phạm pháp, không được phép giết người. Dụ có lục làm dụ, (tờ 105 giố) mà sắp đặt thì cho theo quân pháp làm việc» (K. đ. v. s. q. 14 tờ 11 b).

(Xem tiếp trang 33)

Giọt máu hi-sinh

SONG CỎI

Sau khi hôn-tính nước ta, người Pháp một mặt dùng những chính-sách xảo quyệt để câu nhử lòng lạc nhơn-tái, một mặt dùng uy vũ cường bạo để hết sức áp đảo, bằng tay tròng trệ những phần-tử rách-mệnh, khiến nguyên-nhân quốc dân mỗi ngày một-bao mòn, phách lực sĩ phu mỗi ngày một bạc nhược để mong giữ vững lấy quyền lợi ở xứ này.

Đầu sự đề-oán càng mạnh, thì sức phản động lại càng hăng. Con ruồi rệp lắm cũng quần, huống chi một dân-tộc đã có những trang lịch-sử oanh-liệt: phá Tống, bình-Chêm, đánh Nguyên, đuổi Minh, chiến thắng Mãn Thanh, há lại đời đời chịu khuất phục dưới cương-ách người Pháp?

Với can - đảm, cương - cường, hàng-kiện, anh dũng, biết bao đầu đã-rụng vì đồng bào, đã-franh lại tự do, chủ-quyền và linh-thần. Những trang sử Nghĩa-liệt viết bằng chữ máu đáng ca, đáng khóc ấy trong khoảng hơn 60 năm nay, nếu nhai lượm dòn chứa lại, chắc hẳn thành một tập dày. Nay chỉ đơn cử một vài nhân-vật tiêu biểu được đưa lên kỷ-niệm dài đời nhắc nhở quốc dân nhớ đến những bậc đã dâng mình làm hi-sinh trên bàn thờ Tổ quốc.

« Đây, giết thì giết đi! »

Nguyễn-Thần là con trưởng cụ Nguyễn Thuật, tức Tấn Thuật, Bắc - kỳ hiệp - thống quân vụ đại-thần dưới triều Hàm-nghi (1884-1885), là cháu mười hai đời cụ Nguyễn Trãi, cháu quốc-ông - hùng đội Lê-Thái-tổ (1428-1433), -quá lừng Nhị-khe, huyện Thượng-phước tỉnh Hà-dông.

Khoảng năm giáp - thân và ất-dậu (1884 - 1885), Nguyễn Thuật và Tôn-thất Thuật dấy quân cầu-vượng, nhưng sau vì thiếu khí-giới tinh - nhuệ, nên nghĩa binh ngày một suy kém. Bữa 23 tháng 5, năm ất-dậu (1885), vua Hàm-Nghi phải chạy đi Cam-lô (Quảng-trị):

Tấn Thuật, cha Nguyễn Thần, bấy giờ đóng một vai trọng-yếu trong quân-giới, chống nhau với người Pháp. Sau mấy năm huyết chiến ở Hải-dương, dần dần không đủ, Tấn Thuật phải trốn sang Tàu.

Hồi cha ra đi, Nguyễn Thần hãy còn ít tuổi, nhưng đã khẳng-khái có chí, không theo câu «cha, nào con ấy» ở cửa miệng người đời. Nguyễn thường kêu nạp những tay hảo kiệp, có ý đi theo con đường cha đã vạch sẵn.

Vì vậy, Nguyễn bị chính phủ Pháp bắt, đày ra một bãi đảo.

Vài năm mãn hạn, Nguyễn được thả về song vẫn phải quân-thúc nghiêm ngặt vì bị coi là hạng người «nguy hiểm».

Có lần, bị người Pháp đòi hỏi, Nguyễn vẫn thần-nhiên, tỏ vẻ ngang

tàng trước thái-độ nộ-nại ngăm-đe của quân bạo ngược.

Nhà đương chức nổi giận, rút súng dọa bắn: Nguyễn phảnh ngay áo, chia ngay ngực, búng-bắn nói: « Đây, muốn giết thì giết đi! Việc gì phải câu kinh dọa dẫm thế? »

Nhà chuyên trách ấy bầm bầm, lờ lờ không nói, xua tay đi thôi đi! Ừ thì đi! Thế rồi Nguyễn đi... đi tìm cái sống oanh-liệt!

Một buổi hè, Nguyễn, nhân lúc người Pháp không đề ý, đem ngay mẹ vào Yên-thế (Bắc-giang) theo hoàng-Hoà-Thám (tức Đề Thám) tướng-quân.

Khi tiếp Nguyễn ở trại quân, Đề Thám lấy làm ưng ý lắm. Thế là, từ đó, Nguyễn hợp-luật với họ Hoàng, đương cai binh ở nơi rừng thẳm.

Mùa xuân năm kỷ - đầu (1909), trận thắng ở Yên - thế, Nguyễn có dự chiến công.

Hồi Nguyễn xin với Đề Thám tự đem một cánh quân, chia đường xông ra đánh một cái đồn của quân Pháp. Chẳng ngờ có tên thổ hào ở một quả núi vùng đó trước theo Đề-Thám, bấy giờ bỗng đổi dạ thay lòng, dẫn quân Pháp đến vây kín mấy vòng quanh chỗ Nguyễn đóng.

Tả xung, hữu đột, cố sức chống đánh được nửa ngày, thuốc đạn hết sạch, Nguyễn phải chết vì nạn nước. Bấy giờ là tháng 4 năm kỷ dậu (1909) (1).

(1) Theo tài-liệu trong « Nam chí tập » của cụ Nguyễn thượng Hiền

**Yên bái, «Hoàng-hoa
cương - Việt - nam !**

Sau khi Việt-nam quốc
dân đảng đã đổ bể, phẩm
những đảng-viên dự vào
việc Yên-bái đều bị Hội-
đồng đề-hình, do người
Pháp đặt ra, kẹp vào từ
bình cả.

Đêm 16 tháng sáu 1930,
viên chánh mật thám Ar-
noux và viên cầm Pujol
cùng nhiều viên thanh-
tra vào khám lớn Hà-nội,
đưa ra 13 người sau đây,
cột hai người chung một
giấy xiềng, giải đến ga
Hàng Cỏ, đưa lên một
chuyến xe lửa đặc biệt
chực sẵn, trong toa có
mấy chệm đem theo.

Nhà ga, có lính hồng
sừng, canh gác rất
ngghiêm-ngặt.

Hồi một giờ 40 phút
đêm ấy, xe-lửa tới Yên-
bái. Dân thành-phố không
đi biệt cả.

Năm giờ rưỡi sớm hôm
sao (17-6-1930); các nhà
liệt-sĩ lần-lượt lên đoạn
dầu dài:

1) **Nguyễn Thái Học**,
23 tuổi, đảng trưởng,
nguyên sinh-viên trưởng
Cao-dẳng Thương-mại,
quán làng Trọ-tang, tỉnh
Vĩnh-yên:

2) **Phó Đức-Chinh**,
23 tuổi nguyên cáo-sự
chuyên môn, quán làng
Đa-ngư, tỉnh Bắc-ninh.

3) **Bùi Trư - Toàn**, 37
tuổi, thầy thuốc-ta, quán
làng Xuân-lũng, tỉnh Phú-
thọ.

4) **Bùi Văn - Chuẩn**,
37 tuổi, quán-nhân, quán
làng Đại-công tỉnh Kiến-
an.

5) **Nguyễn An**, 31 tuổi

NGHĨA SĨ TỰ VĂN. CA

Ôi giới đất xây văn dẫu khác,
Hồi giảng sơn gánh ước sao đây ?
Tử trung tử hiếu là hay,
Đạo này liệ với thân này chơ xong.
Gan anh hùng mấy lần đã tìm,
Mang con đơ mong chêm giặc giời.
Mấy phen sùng lớn quom dài,
Vẫy vùng núi rộng biển khơi thiếu gì.
Nổ (chẳng) may lại gặp khi bốn bá,
Nước đến chân thấy đã buồn rầu,
Tiếng thom nhớ những ngàn thâu ;
Máu gitan kẻ thù rằng hầu thừ-đương(?)
Đành hay phận mình đơng bé bé,
Vẫn như trần (quần) như để quân bao.
Khó gì gieo cai hợng mao,
Thôi thôi liêu một ngọn dao quỷ thần.
Không thấy kẻ hàng thần lơ lảo,
Để ăn không tiền gạo chơ ngon.
Không bắt mèo cũng bắt trôn,
Những là vào rui ra lộn (luồn) đã nao.
Dù thao kẻ rừng cao ăn bóng,
Quyết thề lòng chèo chống non sông
Một mình đánh nghĩa đã xong,
Trăm đường làng nước tôi lòng thế nào ?
Giới giới cao mà vua vua ngái (xa)
Biết cho không thặng đại ngày xưa,
Vực sâu từng rủa tiếng đơ
Rừng xanh nay để bia thừa về sau
Quần sĩ đến lại đây ông hiền, (bảo)
Cụ già lên cây nói phần mình,
Rằng ta cái kiếp ba sinh.
Củ lão chưa chút lòng tình mẹ cha ;
Đành mẹ già hai hàng giọt thắm ;
Mà con thơ một tấm lòng đơn,
Kìa-giới đất nọ giảng sơn,
Trung là hiếu đó, thác hơn sống thừa,
Quần gì liêu một hải mưa !

Là Phất lực ông Kiêm Phất tự thân, ông người
làng Trùng Lũ, tổng Văn Lâm, phủ Đức Thọ, tỉnh
Hà-lĩnh, ông theo đảng Cao-Vương bị bắt hại, làm
ra bài ca này bày tỏ tâm sự trước khi dùng dao
mổ bụng, rồi ruột ra từ rốn đã khô sụ vào tay
người Pháp, ông chết để lại bà mẹ già với người
vợ trẻ đã sinh được một đứa con gái này còn thơ
ấu. Tương truyền bài này do ông Lê Trọng Đán tức
thầy đầu phủ Đạm làm ra. Bài Văn bị thêm nh
kháng khái, có thể khác với bài chính của ông của
Văn thiên Trường xưa kia.

LÊ THUỐC sao lục,

quần-nhân, quán huyện
Hồng-Phước, tỉnh Nghệ-an.

6) **Hà Văn - Cao**, 25
tuổi, nông-gia.

7) **Đào Văn - Nghi**,
quán-nhân.

8) **Ngô Văn Du**, quán-
nhân

9) **Nguyễn Văn-Thịnh**,
quán nhân.

10) **Nguyễn Văn-Tiêm**,
quán nhân (cái), quán
huyện Hương - trà, tỉnh
Thừa-thiên.

11) **Đỗ Văn-Tử**, quán-
nhân.

12) **Nguyễn Văn Cửu**,
quán nhân (cái).

13) **Nguyễn Nha-
Liên**, tức **Ngọc-Tĩnh**, 20
tuổi, học sinh, quán làng
Cao-mỹ, tỉnh Phú-thọ (2).

Khi lên máy chém, trước
phát là Hà - Văn Cao, thứ
đến Nguyễn Văn-Cửu, rồi
Đỗ Văn-Tử, v.v., cuối cùng
là Phó Đức - Chinh và
Nguyễn Thái-Học. Tất cả
13 mạng chủ nhôang trong
50 phút ! Những thi-thể
từ cuộc ấy bị ngấu-nghiến
bỏ vào quan-tài, chôn xơ
bỏ, đem đi chôn tại một
nơi ở Yên-bái, «Hoàng-
hoa cương - Việt-nam !

Người ta thuật lại rằng,
khi đi chuyển xe lửa ấy,
các nhà liệt-sĩ vẫn vui-vẻ
nói chuyện, hút thuốc lá,
tỏ một thái-độ bình tĩnh
trước cái chết. Lúc lên
đoạn dầu dài, nhiều người
hàng hái hò : « Việt nam,
vạn tuế ! Việt-nam Độc lập
vạn tuế ! »

(2) Bản danh sách 13
liệt sĩ này là theo báo **Tiếng
Đán** nhật bản ở ở **France-
Indochine** - 18-6-1930.

HAI ÔNG PHAN-BỘI-CHÂU, LÊ-ĐẠI VỚI TẬP HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ

Khái-Sinh DƯƠNG-TỰ QUẢN

Năm 1907 là năm Đông - kiết nghĩa thực thành lập ở Bắc-kỳ, ông Phan Bội-Châu có gửi về cho các ông chủ trương trường ấy một tập thư gởi bằng chữ Hán đề là Hải ngoại huyết thư (Bức thư viết bằng máu ở nước ngoài). Ông Từ-Long Lê-Đại có đến thăm văn phòng tại Lạc-hải; rồi mấy ông Hoàng-Tăng-Bí, Dương-Bá-Trạc và vài ông khác lại lấy tay viết ra rồi lại tự tay in được mấy vạn bản phát khắp trong nước. Đọc bản chữ nhỏ của ông Phan đã thấy hay lắm, mà đọc đến bản dịch của ông Lê-Đại thì nức nùi lắm li, hàng làng găm thủng, càng đọc càng thấy hứng cảm, cho nên cái ảnh hưởng của nó đến tâm hồn quốc dân bấy giờ thật là tuyệt đối, nhưng cũng vì ảnh hưởng ấy quá xấu xa nên sau khi Đông kinh nghĩa hội tan, người nào còn giữ nó đều bị bắt và rồi án 20 năm khổ sai ra.

Bản này giải lắm, đến 740 câu Nay xin tóm tắt được đề các bạn đọc biết cái giá trị của nó.

Bản này có ba tập.

Về tập đầu, tác giả vào hỏi Người nước ta ta là rất lạ, Ông hội này nghĩ đã biết chưa? Hay còn mê mớ mớ mớ? Hay còn hơn hồ như trò chuyện chơi?

Rồi tác giả vạch những cách người Pháp hại mình như sau: Một là nó trảm chém toàn bắt (1) Nghĩ kẻ nước giết được giống ta.

Nhưng nó không vét hết ngay của của mình

Kể cùng ta phải lừa mình không thôi, Năm mươi triệu hàng người chết đói? Cũng có phen kịch liệt một lần,

Sao bằng nó lấy dần dần, Một năm mỗi thuế mỗi phần mỗi làng.

« Âm toan » đã sanh, nó dùng kẻ « Dương bác » để người mình phải chết như dạ mới gớm ghê: Làm cho tàn hại nước nhà, Điều dương bác ấy lại là hiểm sâu! Nó nuôi mình như trâu như chó, Nó cốt mình như cỏ như rơm Trâu nuôi béo, cỏ coi rơm, Cỏ moi để cỏ, trâu làm thịt trâu.

Sau tác giả bảo ta phải đối phó thế nào?

Mày còn được lúc bây giờ, Hơi tàn còn thở, sức thừa còn đưa, Muốn thanh tã lần la ngoại quốc, Đem anh hùng chống vào giương san. Cốt lâu cũng đấu nên cớ? Đả lâu lấp bể, ta còn giống ta.

Đến tập sau tác giả phân qua cái hại mất nước vì đâu:

Một là vua, sự dân chẳng biết, Hai là quan chẳng biết lý dân. Ba là dân chỉ biết đau, Mặc quân với quốc mặc thần với ai.

Mà cái nước mình nào có phải là cái nước nên yêu gì?

Này xem gương truyện xưa kia, Kẻ công hừng hực bị được đầu. Họ thuế trước, đánh Tàn mấy lớp, Cốt giới nam cơ nghiệp mở mang, Sông Hằng lớp sóng Trần Vương, Núi Lam rẽ khói mở đường nhà Lê. Q.ang-Trung để tự khi độc lập. Khi anh hùng đây lấp giương sơn. Lòng giới rộng mở nước non. Ta nay may mắn hỡi còn nước ta.

Thế thì tại sao vậy? Ấy chẳng qua là ta không biết đồng tâm hiệp lực đó.

Thối chẳng kẻ sự trăm năm trước, Xỉa tàn đây cả nước một niềm,

Việc đâu nặng, chưa màng cũng nổi, Sừng sừng sao lại nạn sông, Làm cho sáng rõ lòng

Rồi tác giả kêu gọi giải đồng tâm của dân nước:

Nào là kẻ phũ hạo trong nước, thì nên:

Đem lòng phẫn ra tay anh hùng, Khai bốn bề, nổi rồng hàng vũ, Deo nghìn còng, tạ ngựa trung phong

Người giúp của, kẻ ra công, Xỉa ai hạo phủ trước cùng bạng cho. Nào là hợm quan tước thế gia thì nên:

Đem thân đại diện cho người, Dựng nền độc lập xướng bài tự do. Nghĩa thần tử trước cho vua đạo, Công phụ thù sau bao Tổ tiên. Coi như giếng giọt bậc hiền, Đồng tâm chữ ấy nên biến vào lòng. Nào là sĩ lịch bấy giờ

thì nên: Sự phân gián này ngồi nghĩ meo, Mai thừa cơ đến giao đeo guơm, Giang sơn quấy tại giới Nam, Đành chàng khoác để tiếng thơm lâu giải.

Nào những kẻ lưng đeo súng đạn thì nên

Tính sự thế, hay vừa gặp hội, Việc kịp rồi hiệu phải mau mau. Cùng nhau mấy vạn đồng bào, Quyết đem linh mệnh mặc hiên một phen.

Nào những kẻ còn đồ nghị lịch lữ Xưa nay quen thói hung hăng, Sáng con ương tui, đao lưng bên mình.

thì hãy gặp những hạng: Rước vôi đến dầy mỡ ông vãi. Cống hổ về làm hại người nhà. Thế thời quyết hẳn không tha, Gián đồ mặt thất là ta linh liên, May sự được ven tay cũng thỏa. Chẳng may ra chỗ ngộ cũng đành. Trục làm cho nó thất kinh, Sau là để liếng sao danh muốn đời. Nào liệt nữ nước Nam đâu tá rui nên bắt chước kẻ tên tài rập sỏ, Hay những người bình nghĩa khuyết phu vì:

Đàn bà thế mới anh hùng, Ghệ em ta phải cùng lòng khuyển nhau.

(Xem tiếp trang 36)

1) toan là làm cho héo hắt đi bác là bóc lột.

LỜI CHÀO CỜ

Sáu mươi năm trong vòng thuộc Pháp,
Lá cờ vàng ngơ ngác, thờ ơ,
Dẫu thường trước gió phất phơ,
Nhưng cờ đâu phải hiệu cờ Việt-
nam :

Trên một góc nền vàng rộng phẳng,
Đánh thêm ba màu trắng, đỏ, xanh.
Góm cho Pháp-lặc tung hoành,
Muốn cho Nam-quốc biến thành
Tây-nhung,

Sao chẳng biết non sông Nam-Việt ?
Trên thiên-thu đã liệt cõi bờ,
Xây nền Độc-lập từ xưa,
Trung-vương sớm đã dựng cờ
liên-phong.

Triệu-âu, nữ anh-hùng bản quốc,
Ngọn cờ vàng phất trước đầu voi.
Quần Nguyên phách lạc hồn rời,
Hiệu cờ sát Thái nhớ đời Đông-A
Lê Thái tổ tự nhà khởi nghĩa,
Cờ Lam-sơn mất với quân Minh.
Phá hai mươi vạn Thanh-bình,
Hiệu cờ vô-dịch Bắc Bình thuở xưa.
Trên lịch-sử lá cờ Nam-việt,
Trải bao đời oanh-liệt vẻ-vang
Từ ngày Pháp-lặc tràn sang

Giả danh bảo-hộ mưu đường thực-
dân.

Đã máu bẻ hiến thân cho nước,
Vì hờ cơ, lỡ bước thất thời,
Xương tañ, thịt nẻ, đầu rơi,
Bóng cờ ủ rũ dưới trời bầy nầy !
Nhờ Hiệp khách ! ra tay giúp sức,
Và thanh niên tập lực hi-sinh,
Tháng giêng một buổi bình-minh,
Ngày hai mươi sáu Pháp binh cuốn
cờ.

Trả lại chỗ cho cờ Nam-Việt,
Trước kỳ đài lẫm-liệt, oai-nghi.
Huý-hoàng một sắc vàng tươi,
Phất phơ cùng với « mặt trời »
tung cao.

Hăm-năm triệu đồng bào tổ quốc,
Xin cùng nhau đứng trước kỳ đài,
Trung-tành muốn miêng một lời :
Tung-ho cờ Việt muốn đời dài lâu.
Xin phất nguyện cùng nhau gắng
sức.

Ung hộ nền Độc-lập Việt-nam
Sao cho nổi-giống di vàng,
Mai sau cùng bước lên đường thịnh
chung !

THI-NHẠM

THƠ VÀ CÂU ĐỐI QUANH VIỆC HOÀNG DIỆU TỬ TRUNG

Hồi năm 1936, tôi có viết trên tờ Tân văn tuần báo (Sài-gòn) một bài về « Hoàng Diệu » (T. V. số 83 ngày 28 tháng ba, số 83 ngày 4 tháng tư và số 84 ngày 11 tháng tư 1936) trong đó dựa theo tài-liệu ở cuốn *Nos premières années au Tonkin* của Paulin Vidal (Voirol, 1889) mà nói về cái chết của cụ Hoàng Diệu, vậy nay xin nhắc sơ lại để bổ túc cho bài của ông Kịch-trai đã đăng Tri-Tân số 182:

Sa trên huyện chiến ngày 25 tháng tư 1882 (mồng 8 tháng ba, năm ngo), cụ Hoàng Diệu viết xong tờ huylt bèn, liền ra bên Võ miếu (cũng gọi là miếu Công-thần) tháo chiếc khăn nhiễu màu lam mà thắt cổ trên cây ổi, rồi do người đầy-tớ của cụ lao thảo mai lảng. Chiều đặng, H. Rivière sai người thông-ngôn vào thành điều tra xem có đúng không. Viên thông-ngôn bèn sai người đầy-tớ đến hỏi lý do thắt cổ để nhìn mặt cụ Hoàng, thì thấy ở cổ cụ hầy, còn quần cái khăn nhiễu màu lam là đồ cụ đã dùng để tự ải.

Cụ Hoàng đã chết vì nước, lấy được nhiều giọt nước mắt của dân sĩ-phụ, những thơ văn và câu đối lữ-lược đang đây chính là nét mực lịch-sử in lại những tia hào-quang của cái chết trung ấy.

Để giúp các bạn liên hệ xem xét, tôi xin dịch âm, dịch nghĩa những thơ và câu đối quanh việc Hoàng Diệu tử tiết.

Rất tiếc về câu đối, câu nào cũng có tác-giả của câu ấy, nhưng vì lộn ngày, mỗi bản đề một khác, nên nay bắt các ai phải ải tạm bỏ lạc-khoản dĩ, để tránh cái nạn « râu nọ cằm kia ». Vậy xin các độc-giả tha mền lượng thứ:

H. B.

當世之萬難大地山河悲一載
繫人綱于一死孤臣心事足千秋
Đương thế cực chi vạn nan, đại địa
sơn xuyên bi thập tải

Hệ nhân kỷ vụ nhất tử, cô thần
tâm sự túc thiên thu.

Dịch:

Gặp cuộc đời hàng mớ khó khăn,
nước cũ non sông thương
mười năm lận!

Buộc đạo người trong một cái
chết, tôi coi tâm sự, tổ ngàn
thu sau.

不死故人四河九州聞義烈
有依吾士十年兩度泣英雄

Bất tử cố nhân: tứ hải cửu châu
văn nghĩa liệt.

Hữu hoài ngô thổ: thập niên lưỡng
độ khấp anh hùng.

Dịch

Người cũ chẳng chết đâu: bốn
bên chín châu đồn nghĩa liệt.

Nước nhà còn nhớ mãi: mười
năm hai lượt khóc anh-hùng.

使人皆先生不和無害
有聞於後世雖死猶生

Sử nhân giai tiên sinh: bất hòa
vô hại.

Hữu văn tri hậu thổ: tuy tử dơ sinh.

Dịch

Giả hết thấy như ông: chẳng hòa
không hại.

Ấy về sau đề tiếng: dấu chết tựa
còn.

貞哉節獨苦如公亦曰盡
心焉是非有朝廷定論
愧矣志不果於我方知能
死者古今爲天下最難

Trịnh tại tiết độc khổ! như công
diệc viết tận tâm yên: thị, phi
hữu Triều-dịnh định luận.

Quý hĩ chí bất quả! ư ngã phương
tri năng tử giả: cô kim vi
thiên-hạ tối nan.

(Xem tiếp trang 24)

TAI NGHE MẮT THẤY TRONG THỜI PHÁP ĐÔ HỘ

TIÊN-ĐÀN

I) Phát chẩn

Khi Thượng-thư Pháp Reynaud qua thăm Đông-dương, ngoài sự bắt bớ đàn áp, không cho biết sự thực, quan chức ở-thuộc-địa còn làm những việc giả dối nực cười, đó là cuộc phát chẩn cho dân nghèo ở Vinh.

Được tin Thượng-thư Reynaud qua Vinh, viên Công sứ sức che quan lại, tổng lý y hẹn ngày giờ, tụ tập tất cả dân nghèo họp trong một quán chợ. Rồi bọn này phải chờ... chờ mãi đến lúc ô-tô của Reynaud đến, các nhà từ thiện (!) mời đến chỗ phát chẩn, nào phát gạo, nào phát tiền, nào an-uĩ. Cả ngày hôm sau cũng thế. Thật là rất nhân đạo !

Nhưng khi đoàn phái bộ rời khỏi Vinh thì dân lại đông đầy, tấn trở hạ màn, dân-vẫn đói khổ.

Làm thế nào được ! Chính sách thuộc-địa chỉ cốt che mắt người trên để củng cố địa vị của mình.

II) Một chân chó, hai chực cam

Viên phó giám binh C... coi đồn B. S. lính Toan-hóa xuất thân hạ sĩ quan là dương thuộc địa, vốn người hung hãn, tàn bạo.

Ngày ngời « trấn tù » đồn B. S. công việc quan trọng lúc bình-thì ở một đồn nhỏ-lấp, bậc

nghiêm-nhiên là chúa tể một phường, cả ngày chỉ có hai việc giống rau, giống đậu (lo miếng ăn) và huyết chó săn cày, săn cáo.

Một ngày, nhân chủ đồn lên tỉnh hội-thượng (nói ra giọng việc quan), ở nhà không biết công nghệ thế nào, hay không ai bầu bạn, chó quan lên xuống làng B. S. rồi cũng như quan thấy nổ, sực sạo quấy, nhiều dân cư.

Một chủ khản có sào khoai sắp giờ bị chó đến bới, gặm mất mưi củ, điện tiết sẵn thường lao ra, trúng chân, chó ang-ang là một mạch về đồn.

Sáng hôm sau, quan về, huyết... huyết mũi không thấy chó đâu, nóng tiết, bắt đầu gọi quân, rõ cai, rõ lính, cả đồn nhốn-náo, hoảng sợ về con cáo đồ đi tìm, thấy nó nằm mọp một cứt Trong nhà củi, đem ra thì chao ôi ! chó quan què mất một chân trước ! Thế là lời oanh thét mắng, đánh đập, chửi rủa, sau có bác phu trạm mồng mồi nói là khản mỗ ở B. S. đánh què.

Lập tức, viên quan đồn sai lính xuống làng nữ tước lý trưởng.

Lý trưởng đã coi biết chuyện, sợ quá xong phải lẻo, nhưng mỗi lần lên là phải « vi thiếng » cái gì ngó trước, nhìn sau, trong vườn của ít cam, sai bỏ bầy vào

khay 20 quả, rồi theo lính bưng lên đồn.

Đồn nơi, lính vào bầm, viên quan đồn ra ngóai hiên, mặt hầm hầm, lý trưởng đề khay cam lên trước bàn lài lang, chấp tay sắp nói thì... Bốp ! bốp ! hai cái tát của hai bàn tay đã-mao đã in trên má hồng nhợt với một chuỗi chửi rủa nửa tiếng Pháp nửa tiếng ta tự thù.

Lý trưởng sờ cả khuôn, choáng người, hơ mặt, toan nói thì cả khay cam bị bắt vào mặt, cam tung ra sáo, viên quan đồn còn đá bồi cho cái nữa.

Thật chuyện chân chó !

III) Ba thuyền đá

Thuận sáu năm ấy, nước sông Núi nà lên to, ngày nào cũng thấy viên chức sở công củi qua qua lại lại khúc đò Đổng-viên, vì theo tờ trình, năm trước sông Đổng đã nguy-ngập nên năm nay quãng đò này phải cho là sung-yếu.

Một cái khôn ngoan, tài giỏi của sở Trị thủy là dùng đá đò « kê », đò ngăn sức nước. Sáng kiến ấy, viên lý-lộ sung Trị thủy đem ra thi-hành trệt để... Người ta cả thấy là từ tiền đến bên đò một thuyền đình chở đầy đá và được trút hết xuống sông, đấy gọi là đò « kê ».

Cách mười hôm sau, quan chánh đi khám, theo hầu có đủ viên chức lý dịch thêm cả bác cai-trầu nước da bánh-mặt, bộ râu « ghi đồng » (guidon) nữa.

(Xem tiếp trang 37)

NHỮNG CUỘC CÁCH-MẠNH

TỪ KHI PHÁP THUỘC

HOA-BANG

Lịch sử dân tộc Đại Việt đã chứng thực rằng nước này tuy nhỏ, dân này tuy ít, nhưng cái tinh-cương-cường không chịu nép mình dưới ách người ngoài đó-hộ buo giờ cũng tràn trề sôi nổi trong mạch máu con nhà Lạc-long.

Chẳng thế, trong vòng Bắc thuộc hàng nghìn năm, những cuộc khởi nghĩa cứ tiếp tục tiến tới: kết Trưng Chắc, Trưng Nhị đến Lý Bôn (hoặc Bi, hoặc Phàn), Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Hạo, Dương Dên Nghệ, Ngô vương Quyền người trước ngã, người sau dậy, cố làm cho thực hiện cái nền độc-lập, gắng giết cho kỳ được cái quặng tự do: Thật đáng như câu phong-dao-dã nói:

Nước lã mà vã nên hồ,

Tay không mà nổi cơ đồ mới
ngươi !

Giọng hi sinh của ông cha nghìn thu vẫn tỏ rạng; hồn chính-khi của Đại Việt bao giờ cũng bừng-bạc khắp non sông.

Đến thời người Pháp đó-hộ các tinh thần « trăm gây không sợ » ấy lại càng tỏ rõ trong những hào quang bất diệt của các phần tử cách-mệnh.

Nhà cầm bút chỉ biết cố tìm sự thực mà ghi chép, chứ không lấy thành bại mà luận anh hùng.

Trận phản công ở Huế (1885)

Sau khi người Pháp đã dùng võ lực chiếm lấy Nam, Bắc-kỳ, Triều-dinh Huế phải dân lòng nhằm mắt kỹ hiệp-ước Patenôtre ngày 6 tháng sáu 1884.

Tôn-thất Thuyết cho thể là nước mình mất lối chủ quyền, bèn ngấm ngấm mưu cuộc phản công, mặc dầu vẫn biết phía mình kém hẳn khí-giới-linh như thế.

Bấy giờ là đêm mồng 4 rạng mồng 5 tháng bảy 1885 (22-23 tháng 5, Ất-dậu). Tôn-thất Thuyết, trước đó, có lẽ tụ-tập được độ một vạn quân (1) trong tay: Thuyết, sau khi phân phát lương-thực và khí-giới cho quân lính, sai bắc 800 cỗ súng đại bác lên mặt thành. Em Thuyết là Tôn-thất Trắc giữ việc bắn phá toà Khâm. Còn Thuyết và Trần Xuân Soạn dự bị đánh Trấn-bình-dài từ đồn Mang-cá. Trận phản công bắt đầu từ một giờ rưỡi sáng mồng 5 tháng bảy 1885 (23 tháng 5, Ất-dậu).

Trong khi đó, những vùng quanh toà Khâm, đồn Mang-cá và các trại lính Pháp ở phía bắc thành Huế đều đông đặc những người Nam ta xông xáo đánh phá, hò-la ồn-ào. Rồi quân ta ném các mìn được vớ đồ dẫn hỏa ra đổ các nơi lửa bốc ngùn ngụt. Thừa cơ lúc lửa sáng ấy, những súng đại bác trong thành nhắm bắn vào những cỗ địch có người Tây ở (2)

Về trận này, người Pháp cũng có thiệt hại: 12 người chết trong có Dréuin (đại úy) Bruneau (đại úy) và Lacroix (trung úy); 73 người bị thương, trong có Pelicot (thiếu úy), Herschel (thiếu úy), Bellemare (đại úy) và Borne (đại úy).

Vì bết trước, nên người Pháp đã đề-phòng. Trong khi đêm tối, quân Pháp ẩn nấp trong hầm, coi bắn lại cầm chừng thôi.

Sáng ra, người Pháp, với thủ đoạn lạng-dợ, hết sức tàn sát và đàn-áp: quân dân mình chết như ngã rạ! Bộ Lại, bộ Binh trại lính, kho lương và kho thuốc súng của ta đều bị đốt phá. Lửa cháy đến hai ngày hai đêm.

Đến nay, những ngày 22, 23, 24 tháng 5 Ất-dậu, dân gian ở Huế thường làm lễ cúng âm,

hồn các chiến sĩ tử vong hoặc các lương dân vô cố bị nạn, tức là một dấu-tối kỷ-niệm đoạn sử đau-thảm này.

Từ đó, vua Hàm Nghi (1885), phải bỏn bẻ: cũng từ đó dâng văn-thân khắp nơi nổi dậy với cái khẩu hiệu « cần vương ».

Cuộc khởi nghĩa của các Văn thân

Từ bữa 7 tháng bảy 1885 24 tháng 5, Ất-dậu), vua Hàm-Nghi chạy đi sơn phòng Cam lộ (thuộc Quảng-trị) Tôn thất Thuyết lấy mệnh-lệnh thiên tử truyền lệnh đi các nơi, kêu gọi làng trung ái của dân sĩ-phu Trung, Bắc.

Nghĩa binh nổi dậy nơi nơi đây. Ở Trung kỳ: Trần Văn Dự lập Nghĩa-hội ở Quảng-nam rồi các tỉnh Bình thuận, Bình-dinh, Phú yên kế-tiếp hưởng ứng; Trương Đình Hội và Nguyễn Tự-Như nổi lên ở Quảng-trị; Nguyễn Phạm Tuấn và Lê Trực xưng nghĩa ở Quảng-bình; Hà Văn-Mao đồ-kháng ở Thanh-hóa. Ngoài Bắc-kỳ thì Tân Thuật các tree là cờ cứu quốc ở Hà-dương;

Nay ra dân cũ việc Phan Đình Phụng (3).

Phan, người họ Đông-thái tổng Việt-yên huyện Lã sơn, tỉnh Hà-lĩnh, từ ngày tháng mười Ất-dậu (1885) đến bất-kết vua Hàm Nghi ở nơi bệch tại miền thượng du tỉnh Hà-lĩnh; hứa xin xẻ thân cứu quốc, được nhà vua phong làm Tân lý quân vụ thống tướng các đạo nghĩa quân,

Phan liền về quê làng Đông Khê, khởi nghĩa cần vương Trung khoảng một tuần, được tới 5, 6 nghìn nghĩa sĩ hưởng ứng; đồn trại dâng giăng đông khắp một tổng Việt-yên.

Năm binh xuất (1886), Phan đóng ở làng Puyug-công, huyện Hương-sơn.

Đến nam sau (1887) Phan thất bại, phải bỏ trại tại Hương-sơn, Hương-khê, chạy ra Bắc.

Sau nhờ có bộ tướng là Cao-Tướng (4) ở lại thu thập tàn quân, đốc khí-giới, mộ binh-lính, làm cho thanh thế nghĩa binh ở ba tỉnh Hà-lĩnh, Nghệ-an và Quảng-bình lại thêm mạnh.

Cao-Thăng bấy giờ đã có, hơn 500 khẩu súng vừa kèn cũ, vừa kèn mới, và dưới cờ được ngót 1.000 quân.

Sau khi Phan từ Bắc quay về, dân nghĩa binh có chỗ chứa, cá kỷ luật này lại càng hoạt động: từ núi Vạn-quang đến Trung-khê, Trí-khê, dài ngót 100 dặm, đều dựng liên tiếp những trại và đồn, Phan chia làm 15 nơi quân-thủ gồm cả các phần tử của các văn thân hoặc võ tướng rừng theo một đích khôi phục nước Nam.

Năm nhâm-thìn (1892), quân Phan bắt được Tuần phủ Đinh Nhơ Quang làm Tiểu-phủ quân-vụ tại Hương sơn giúp người Pháp trong việc đàn-áp quân nghĩa đảng.

Bởi tháng 10 năm quý I (1893), Cao Thăng dẫn quân định đánh Nghệ-an, dọc đường, phá luôn được mấy đồn bản dịch. Nhưng

khởi đầu đồn Nỗ, Cao mắc phục binh, bị trúng đạn rồi chết nước.

Sau khi Cao mất, Phan phải rút lui đóng quân ở núi Đại-hàm (thuộc hạt Hương-khê, Hà-lĩnh), giữ thế thủ.

Năm Ất-mùi (1895), trận đánh ở núi Tự-quang, nghĩa binh được toàn thắng kết quả phía người Pháp chết ba viên quan võ, mất hơn 100 khẩu súng và đồ vật cùng tiền bạc vô kể. Thật là một trận oanh-liệt nhất trong 10 năm kháng chiến của Phan tướng quân.

Nhưng bấy giờ nghĩa-binh đã dần bước chông, phải khởi đồn ở trên núi Quyết cũng thuộc huyện Hương-khê). Đến sau ngày 13 tháng 11 năm Ất-mùi (1895) là ngày cụ Phan Đình Phụng phau vì bị bệnh tật khổ, phải nằm liệt giường ly mà chết (mới 49 tuổi), họ không có lập được, nên khi thi hỏa táng, người thi ra hàng kẻ cạo một cách thô bạo. Mả cụ Phan bị đào lên xương cụt bị đốt ra tro, trộn với thuốc súng mà bắn xuống La-giang. Các tướng Nguyễn Trạch, Nguyễn Mậu cộng 23 người đều bị chém cả.

(Xem tiếp trang 23)

(1) Các số như trước này là theo trong Colon Indo-Chinois của R.B.

(2) Dựa tài liệu trong tờ Avenir Tonkin ngày 25 tháng bảy 1885.

(3) Việc Phan Đình Phụng ở phần này là dựa tài liệu trong cuốn « Phan Đình Phụng » của Đào Trinh Nhất, Mạt Lĩnh xã hội học.

(4) Xẻ quốc ngày tháng 10, quý I (1893), hưởng lộc 29 tuổi.

Một nhà chí-sĩ đã
tham dự vào công cuộc

VĂN-ĐÔNG ĐỘC-LẬP

CỦ ĐỐC ĐỊNH - TRẠCH
(1845 - 1917)

LÔNG ĐIỀN

Cuộc chỉnh-biên đêm 25 tháng giêng âm-dậu (9-3-1945) là kết quả của cuộc vận-dộng độc-lập mà bất-bao nhiêu nhà chí-sĩ đã phải lao tâm khổ tứ, hy sinh cả thân-thể và sự nghiệp, người thì lấy vận-bêa để gây dân chí: như cụ Tây-Hồ, cụ Huỳnh Quyên v.v.; người thì dùng võ lực để tẩy tủy tự-do như cụ Sào-Nam, cụ Đèo-Bát (Tăng-Bát-Hồ v.v.). Mỗi người một phương-sách, nhưng cũng cùng một tâm-tư, một chí-nhưng, là gây nên độc-lập cho nước non nhà.

Nay, việc giải-phóng đã thực-hiện, chắc-cả cụ ở dưới-sơ-vàng cũng sẽ cười mừng dân-tộc-tiền-dã thực-hành được cái hoài-bão của cá-cụ, và không gì hơn lúc này, ta cần nhắc đến cá-cụ để biếu-dương những khí-tiết anh-dũng siêu-phàm cho dân chúng thêm lòng phẫn-khởi.

Trong các bậc chí-sĩ lãnh-tự, như cụ Phan-Bội-Châu, cụ Phan-Đình-Fùng, cụ Phan-Giáo-Trình, cụ Phan-Đền-Quyên, ông Nguyễn-Thạch-Học, trên-bác-cử, trong-vấn-dân, nhiều nhà học-giả đã nổi-dân, duy-có một vị rất hăng-tái, rất nhiệt-thành các cuộc vận-dộng, từ cuộc Cần-Vương, Đông-Kinh-Nghĩa-Trục, đến cuộc Đông-Độc, cuộc

cũng tham-dự, là: chức-tác-trò, mà bình-phản ít-sạch-vô-nói-lẽ.

Vị đó là Cụ Đốc: Định-Trạch.

Gia-thế. — Tên-cụ là Đàm-Trị-Trạch, người làng Định-Trạch, tổng Hạc-Kiệt, huyện Vũ-Bình, tỉnh Nam-Linh, con-trai trưởng-cụ huyện Đàm-Văn-Vĩnh, sinh-năm Bính-Tý (1845), mất-năm Đinh-Tý (1917), thọ 73 tuổi.

Người thông-minh, có chí khí-lớn, học-văn-bá, tính-hào-hiệp, lập-được nhà-giáo, thề-kết giao-cùng những bậc-anh-hùng hiệp-sĩ các-nơi. Nhà-cụ ở rất-rộng, nam-toà, tây-lập, khách-khứa-tập-nập, hàng-ngày thường-có tới 20, 30 người-khách-được-thết-đãi. Ngay-khi thân-mẫu-cụ (tức là bà-cụ Huyện) mệnh-chung, khách-khứa-tới-thăm-viếng-luôn-trong-vòng ba-tháng mới-hết, như-vậy-đó thấy-cụ-giao-du-rộng-rất-là-bao.

Những khách-thượng, hay-lưu-băng-hướng-mạc, cụ-tiếp-ở-nhà-ngài; muốn-tránh-sự-dòm-hàng-của-những người-nhiều-sự, cụ-làm-riêng-một-gian-nhà-rộng-sau-vườn, để-các-bạn-đồng-chí-hội-đám-mơ-linh-công-việc-to-lớn, vì-thế, những công-việc-quốc-sự-như-việc-Cần-vương, Đông-kinh-Nghĩa-Trục và tự-hợp-ở-nhà-cụ-cả.

Việc-Cần-vương: — Từ-năm nhâm-gu (1882) quân-Pháp-bức-bách-Triều-dinh-nhiều-khoản, cậy-mạnh-nhiếp-yếu-không-có-lực-tâm-bảo-bộ-dân-nước, lại-lấy-chiến-doaat-dắt-dầu-nên-trước-chiếm-thêm-bốn-thành-ngoài-Bắc, sau-lại-đoạt-thu-Kinh-toàn-Huế (năm-Ất-dậu (1885) lúc-đó-mới-bớt-bị-lừa, nhân-dân-xao-xuyến-triều-chiến-rối-tung, vua-Hàm-Nghị-phải-xuất-bôn, tuấn-riệp-ân-vương, về-mưu-khôi-phục. Tiếp-sau-thì-đó, anh-cùng-cả-xứ-nổi-dậy-hưởng-ứng-Trung-kỳ: cụ Phan-Định-Phung-khởi-ngĩa-ở-Hà-tĩnh; Hương-Hiến-ở-Quảng-nam; Cổ-Đình-ở-Quảng-ngãi; Mai-Xuân-Thường-ở-Bình-dịnh, Tống-Duy-Tả-ở-Trần-hóa. Ngoài-Bà-phong-tráo-Cần-Vương-cũng-sôi-nổi, nhất-là-mấy-tỉnh-Hải-dương, Bắc-ninh, Sơn-tây, Nam-dịnh, tỉnh-nào-cũng-có-một-vài-người-xang-hùng, nhưng-vì-không-lên-kết-được-với-các-dãng-trong-Trung-kỳ, lại-không-giới-kén-cho-nên-không-chống-nổi-quân-Pháp-Duy-có-Hoàng-Hoàch-Thất-ở-Văn-thố-chống-được-20-năm, Đốc-Tít-ở-Kinh-môn-và-nào, và-Vũ-văn-Lợi-ở-Nam-dịnh-ít-bản-rồi-cũng-tan-nát. Đổng-Cần-vương-Nam-dịnh-suy

cụ cụ làm đốc chiến toàn quân Nam-dân, giao chiến với quân Pháp nhiều lần, sau thế lực kém, nên bị thất bại, Quân Pháp, vì thế, triệt hạ cả làng cụ.

Vì cụ đứng ra làm Đốc chiến nên thường gọi cụ là cụ Đốc Định-trạch, tức là tên làng.

Việc Đông kinh Nghĩa thực:

— Lấy võ lực không thu phục được gang sơn, cụ lại liên lạc với các nhà chí sĩ để tìm phương kế mưu đồ việc nước. Khi đó, cụ Phan bội Châu nói đồ Tả khoa, tổng hay chữ lấy lòng nam bắt, chỉ chờ cơ hội để xuất dơ g, mưu sự. Cụ Tàng Bại Hồ (hiện là Điều Bát, người Bình-dịnh, đồng với quân Pháp, bị thua, trốn ra ngoài, lúc ấy cũng về nước xem tình hình) nghe tiếng cụ Phan, mới biên thư hẹn đến cả nhà cụ Đốc Định-trạch để bàn luận các việc. Cụ Nguyễn Quyền, Huân-đạo Lạng-sơn và Cụ Nguyễn Thượng Hiền, Đốc-học Nam-dịnh, được tin, cũng về hội họp.

Cuộc hội đàm chỉ có 4 người, trong ba bốn đêm ngày, cả cụ bàn bạc ở trong nhà kín sau vườn nhà cụ Đốc Định-trạch.

Đối với vấn đề cứu quốc, mỗi cụ một phương sách:

Cụ Phan Bội Châu và cụ Tàng Bại Hồ, thì chủ trương võ lực, quyết chí Đông du để lấy thế nước ngoài về mưu khôi phục.

Cụ Nguyễn Thượng Hiền cũng tán thành ý ấy, nhưng lúc đó còn chưa qua mùa Lợn ra đi; sau cụ cũng cả trang làm đũa bả sang Tàu và Nhật.

Cụ Huỳnh Quyền, thì chủ trương lấy sự giáo hóa quốc dân làm phương tiện cần kíp trước nhất để cứu quốc.

Đàm luận xong, người nào theo chương trình người ấy làm việc. Cụ Phan và cụ Tàng, thì đứng ngay

ra hải-ngoại; còn cụ Huỳnh Quyền thì lên Lạng-sơn xin một quan về Hanội cử-hợp đồng-chi, lập trường Đông kinh Nghĩa thực, để huấn luyện dân và tôn chỉ như sau:

1) Dạy học lấy quốc văn đến dạy những thương thức và tư tưởng mới, ban bố cho tất cả ban quốc dân.

2) Dạy có lớp Trung học và Đại học, thì học thêm chữ Hán và chữ Pháp, còn từ Tiểu học xuống bắt cứ nam nữ đều học chữ quốc ngữ, chỉ cốt học để làm người, làm dân, chứ không học tới từ-chương, khoa-cử;

3) Nhà-trường cốt dạy bổ-tử không lấy tiền và cho không cả sách vở giấy bút, có ý muốn làm cho ai cũng có thể tới học và học được;

4) Dạy những khoa học thường, thì, công nghệ thường thức cho người ta lấy đồ mà mưu sinh tự tồn;

5) Mỗi tuần lễ có đến thuyết công khai một lần về những vấn đề giáo dục và khoa học;

6) Lập một trường làm khuôn mẫu ở Hà-nội, rồi sau sẽ mở dần khắp các xứ các tỉnh, các phủ huyện.

Trường Đông kinh Nghĩa thực, nhận cả tru học-sinh, và in các sách giáo khoa bằng quốc văn vừa phát không cho học trở lại phát cho cả thiên hạ, nên nhiều người các nơi đến xin sách, gặt về từng gành. Mỗi quyển in ra hàng mấy nghìn, nhất là quyển Quốc dân độc bản in đi in lại nhiều lần, lần nào cũng in mấy muôn mà vẫn không đủ phát. Nội dung sách tóm tắt rất rõ ràng và thiết thực. Như Lịch sử, Địa dư, Toán học v.v. thứ nào cũng có sách riêng của nhà trường. Mục đích nhà trường là

khởi điểm sự truyền bá những tri-thức phổ-thông trong quần chúng.

Công cuộc nhà trường đang tiến hành, quy mô nhà trường đang vững trãi, quốc dân đang tin phục, kẻ quyền tiếm người giúp sức, vô số tăng thêm; cả ông Đề Thám cũng phải người về tặc Hanội xin giúp về mặt tài chính.

Vừa được 9 tháng, thì bỗng cụ Huỳnh Quyền được tin nhà chức trách ra lệnh đóng cửa trường.

Không nản chí, liền cùng các bạn tập giao, cụ Huỳnh Quyền lấy ngay tiền còn lại ở nhà trước, hơn muốn học, lập ngay ra nhà huấn « Đông kinh nghĩa » lấy đến hàng nội - hóa và công nghệ làm mục đích.

Trong khi cụ Huỳnh Quyền theo đuổi công cuộc học và huấn, cụ Đốc Định-trạch cũng vẫn luôn luôn tiếp xúc với những nhà quốc-sự; nhà cụ thường lui tới, ra vào, những khách khứa quốc, vì trước thì ra Hải-phòng, xuống tàu đi Hải-ngoại, bao giờ cũng tự họp ở nhà cụ để nghe tin tức và lấy mưu lược.

Cuộc xuất dương: — Sau 3, 4 hôm hội đàm ở nhà cụ Đốc Định-trạch, cụ Huỳnh Quyền về nơi quán mở Đông kinh Nghĩa thực, như đã kể trên, còn cụ Phan Bội Châu và cụ Tàng Bại Hồ, liền cũng đi ngoại quốc. Đại cụ định sang Tàu và Nhật, huấn luyện một ít tổ quan và một few và Nhật giúp sống dân, tầm hồ để về mưu khôi phục. Nhưng, sau tiếp xúc và hội đàm với mấy nhà trí thức Hoa-Nhật, thấy nhà chính khách lão luyện, như Kanyêu Dương-Ngô, Lương Khải-Séu, Tồn Đạt-Hiệp, đều khuyên cụ Phan muốn hoàn thành công

(Xem tiếp trang 22)

TÔI ẮC NGƯỜI PHÁP

TRÚC-KHÉ

Con vật hung tàn

Năm 1938, tôi ở Hà - nội một hôm mượn cái xe đạp của người bạn để đi raphô, vì xe không chuông, không phanh, bị bắt vào sở Cảnh Hàng Đạn. Trong khi tôi đứng chờ để khai, thấy một người cảnh sát tây từ ngoài đi vào, dẫn theo một người đàn ông ta chừng 30 tuổi, tay cầm cái rô, trong rô dính đầy những vết lon hay tiết trâu tiết bò gì đó, ý chừng người này đi buôn thịt. Không hiểu vì phạm tội gì mà người này bị bắt đến Cảnh rồi tên cảnh-sát tây, cầm một thanh gỗ mà đánh người ấy rất tàn nhẫn, một vật vào đầu vào mặt lại vào lưng vào hông, không những thế, lại cầm lấy còi mà đập đầu đập mặt vào tường gạch. Người ấy kêu khóc rất thảm nhưng không vì thế mà được lòng lành của con vật hung ác, tên cảnh-sát tây đứng nghĩ một lát rồi lại tiếp đánh, nó không nghĩ gì đến thì đã bị cũng là người. Ông ấy hỏi người đàn ông kia đã làm nên tội gì mà bị nó hành như vậy. Tôi tưởng dù có tội gì tôi đã có cá h đem ra tòa án phạt tù hay phạt tiền, chứ sao nó được đánh người ta như vậy, rồi nhìn khuôn cảnh bấy giờ thì có một tên ấy là tây, còn chung quanh toàn người nam cả, này cảnh-sát, này thư - ký, này những người dân phố đến Cảnh khai trình việc riêng. Toàn người nam, nhưng không cần nói cho một người đồng bào bị một đứa đi chống hành hạ tàn ngược. Tôi muốn can thiệp,

nhưng không đủ liếng Pháp để nói với nó, tôi sẽ hỏi một người cảnh-sát ta :

— Tại sao mà người kia bị đánh khổ thế ?

Người cảnh-sát tây nhìn tôi rồi cau-cười giả vờ :

— Hỏi về làm gì ?

Hôm ấy ở sở Cảnh Hàng Đạn ra về, lòng tôi rất tức, ngại đến cái nhục cái tủi của tôi giống...

Khí phách của một

người Nam

Năm 1943, một người bạn tôi làm thư-ký ở sở Tài chính Hà nội có thuật chuyện rằng :

Vừa rồi trong sở ấy xảy ra một chuyện ứng xử thật quái. Một viên thư-ký người nam vì những cá tính nết cứng đầu không chịu khuất phục mà bị một viên thư-ký tây là người quyền trên trong sở ấy đề ý giới gủi. Người tây này thường hay hời hợt tìm vui của viên thư-ký để gặt gười mắng mỏ, viên thư-ký lấy làm nhục, mấy lần toàn thời việc sưng vì gia đình không có kẻ gì sống, nên vẫn phải gượng gạo cho qua. Sau i thấy người tây ấy đối đãi với mình nhiều cách đều rả hơn viên ấy không thể chịu được nữa, bèn đối lại với hắn một cách quyết liệt. Vì cái nhục của mình viên ấy nghĩ lan cả đến cái nhục của người sống chung, bèn viết cho người tây kia một bức thư, kể những nỗi khổ khắc khổ của hắn đối với người dưới quyền, một đoạn cuối thư đại ý nói thế này :

« Người Pháp bấy lâu nay thật là kẻ mạnh, lẳng nhục người nước

Nam đã nhiều, nhưng đến lúc này, tưởng người Pháp không nên thế nữa. Lúc này nước Pháp cũng làm vào cái cảnh bị một kẻ mạnh khác lấn hiếp người Pháp lấy thế làm khổ bao nhiêu thì đáng thế nên thương những người ở trong cảnh ấy bấy nhiêu. Nhất là Thống - chế bấy nay vẫn hô hào người Pháp người Nam nên cùng nhau đoàn kết một cách chặt chẽ để mưu đồ sự phục hưng cho Tổ quốc. Đáng lẽ trong lúc này, người cái thì giữ làm công việc hòa phân, ông nên đề tâm lo nghĩ về cái vận mệnh Tổ quốc đề trong tay. Nhưng ông không thế, ông lại đem cái thì giờ ấy để làm cái việc bởi lòng tìm vết mà hạ hạ sách những người dưới quyền. Thiết tưởng những người Pháp như thế, thật là có tội với Thống - chế, mà cũng là có tội với nước Pháp. »

Người tây được thư này, như một con thú bị một phát tên trúng vào tim, tức tức điên điên, bèn đem bức thư trình với viên Giám - đốc sở ấy thỉnh cầu bãi chức của viên Thư-ký và đem ra nghĩ xử một cách nghiêm ngặt. Viên Giám - đốc bèn đòi viên Thư-ký vào buồng giấy riêng nghiêm trách về bức thư ấy và cho đưa làm một tờ giấy hiện bạch về thái độ của mình. Viên Thư-ký lại thảo một tập giấy dài nữa, vẫn cái ý trước nhưng nói thống thiết hơn, tỏ ý mình không hối hận gì việc viết bức thư trước, và nói :

« Nhà tôi nghèo, trong nhà có một vợ mấy con, tôi thôi ở đây ra, chưa biết lấy gì làm kế sống, nhưng tôi cũng không muốn cầu xin các ông thương lại để tôi lại ngồi trên một chiếc ghế sở Tài - chính này nữa. »

Rồi đó người Pháp muốn đắp kín việc này đi, chỉ bãi chức viên thư ký chứ cũng không đem kết tội.

Chính sách thu thuế của người Pháp

Chính sách thu thuế của người Pháp thật là tàn ngược hết chỗ nói khiến cho nông dân không còn có lối nào mà sống. vùng tôi vì sự thu thuế ấy mà không biết bao người mất nhà ở hoặc mất ruộng cấy.

Hạng dân vô sản, thợ ruộng không có, quanh năm sống bằng nghề đi làm điền phủ, tuy nhiên họ cũng thường thuê dăm sào một mẫu ruộng công của hàng phe hàng xóm để cấy. Số thuế gặt về, phần thì bán đi để gả nợ và may mặc, phần thì ăn từ tháng 11, qua cái tết cho đến đầu xuân là khoảng đồng ruộng ỉn việc, không có người gặt đi làm ruộng, vì thế mà đã hết sạch. Tuy họ cũng biết rằng cái khoản «thuế tây» không thể chuội được, nhưng chẳng biết bao giờ mới tha sẵn đầy lầy để đem xay giã mà ăn. Thuế đã lết, họ đã bắt đầu phải ăn dong chọt cái lết thu thuế ban xuống. Lý phó trưởng sai tuần đi thúc thuế như là đồ lửa. Mỗi sào phải nộp thuế 8 cân, mỗi cân rẽ đi mua mất 4 đồng rưỡi để đem bán cho chính phủ lấy 2 hào rưỡi. Dù vậy họ không bán không được. Như thế là nếu họ cấy một mẫu họ sẽ phải chạy một khoản tiền dong thuế bán cho chính phủ mất 4 trăm rưỡi đồng họ là dân không có tiền

sản, còn làm thế nào để khỏi phải bán cửa bán nhà để lo chèo xong khoản tiền ấy?

Trên hạng ấy là hạng có được dăm sào một mẫu ruộng tư. Hạng này đến kỳ nộp thuế không phải bán nhà nhưng mà phải bán ruộng.

Lại có hạng nhà có nhiều ruộng nhưng không cấy cấy mà đem bán tương. Mùa ta năm trước, bán tương mỗi sào hưởng vụ được từ 15 đến 20 đồng, thuế và thuế do mình phải ra mùa xuân năm sau đồng thuế để bán cho chính phủ mỗi sào mất 45 đồng. Như vậy nếu không có cửa sổ tích thì tài nào mà khỏi bán ruộng. Nhưng họ bán ruộng cũng phải, vì sống dưới một cái tình phủ là ngược như thế thì có ruộng gì cũng là một cái tai ương.

Rất lại thì dù người có ruộng hay không, dân Việt nam trong mấy năm nay, đã bị giặc Pháp đeo đến xương mà hút đến tủy, để đến bây giờ đói khát chết chóc, chưa có phương thuốc gì cứu chữa lại được.

Một hôm tôi ngồi nhàn giờ bộ kinh tôi ra xem đọc đến tờ «thực thứ», nhân nghĩ đến việc thu thuế của người Pháp, bất giác phải đặt quyền xuống mà chau mày nghiền rặng.

Việc giết Ba-giánh

Ba giánh (Bazin) là một người Pháp khoảng năm 1928 - 1929 đứng chủ sở mộ phu Bắc-Lý để đem đi Nam-kỳ và Tân-dảo làm tại các đồn-điền

Cao-xu. Trâu phẫn của những người phu đồn-điền Cao-xu làm hại thế nào, người ta đã biết rõ rồi, nên số phu mộ đi không được thư ý muốn của bọn thực dân, chỉ trừ những người nghèo khổ quá, ở nhà cũng chết về đói rét, nên đành phải đi để bán mình làm thân nô lệ ở các đồn-điền vậy. Vì phu mộ khổ nên Ba-giánh cũng đồ-dè dùng đến là thuật để bắt bớ. Chúng đến những đám đông người, nhón xem người nào khỏe mạnh, đàn ông hay đàn bà cũng được, thả thuốc mê vào cho tích-thần người ấy mê liệt rồi bắt về sở ép ký vào giấy tình nguyện đi phu. Đến khi tình thần đã tỉnh lại thì giấy trót ký rồi, không đi sẽ bị pháp luật truy bức. Bởi thế quả có những gia đình tan nát vì người trụ trụ ở gia đình bị bắt đi phu. Người đi ra ngoài đồn nom nộp lo sợ, rồi về mà vào lều bấy hung dộc của sở mộ, người dân ta đông đều phải sống trong sự hồi hộp kinh khiếp. Muốn được trừ nỗi sợ hãi, Việt-Nam Quốc-Dân đảng phải ủy ban họ-sá giải chết Ba-giánh. Vụ án ấy xảy ra tại phố chợ Hà-Nội ngày tháng 2 năm 1929, Việt-Nam Quốc-Dân đảng bị vỡ lở khởi một từ đây. Tuy nhiên, Hội-đồng để trị của người Pháp bấy giờ do tên Blich (Bride) làm chủ-tịch cũng không tìm ra được chứng cứ để buộc đảng đã làm việc ấy, vì thế cái chết của Ba-giánh có thể gọi là đổi mạng.

(Xem tiếp trang 24)

VẬN-ĐỘNG ĐỘC-LẬP

(Tiếp theo trang 19)

ngiệp kiến quốc sau này, tất phải tìm một bậc vương hầu có tài có đức, suy tôn làm minh chủ, để thu phục nhân tâm, và hiệu triệu thiên hạ, và một mặt gây lấy lực lượng cho quốc gia là phải thu thập nhân tài thanh niên cho đi du học, để đào tạo nhân tài. Lòng sau này ủy dụng; và lại tôn phải luôn luôn có động viên các nhà triệu-phủ trong nước kết sức giúp đỡ về phương diện tài chính, như thế, mới mong mưu đồ đại sự được.

Cụ Phan, tỉnh ngộ, thấy công cuộc bước đầu còn non nớt quá, mới quay về nước, một mặt họp thêm đồng-cử để giúp về tài chính một mặt thân thân niên đi du học, một mặt mưu tính việc đem Kỳ ngoại-bảo Cường-Đề ra ngoài.

Trước khi xuất đờng, lại lấy nhà cụ Đốc Định-trạch làm nơi tụ họp. Theo chỗ tìm hỏi của tôi, thì cụ Cường-Đề khi trú ở nhà cụ Đốc Định-trạch, có cả mấy người đàn bà, không rõ họ hay là con, cháu, khi ra Hỉ-phòng-xướng lại chỉ có 5 người đàn ông (cụ Phan Bội-Châu, Phan Chu Trinh, Tăng-Bạt-Hổ, Nguyễn Đền và Cường-Đề).

Cuộc đi hôm đó, gặp một chuyện rất hay, vậy xin kể luôn ra đây để biên đờng cái khi-tiết một nhà anh hùng vô danh, mà có lẽ đồng bào ta cũng ít người được biết.

Hồi đó, vào năm 1905, 1906 việc đi lại cũng chưa đến nỗi khó khăn như mới gần đây, nên một buổi chiều ở Hải-phòng, 5 vị khách lý-hương giả dạng là người Trung-quốc, xuống tàu « Ai-Vu » (của người Pháp) đi Hương-cảng.

Trong bọn 5 vị cách-mệnh, duy có cụ Tăng-Bạt-Hổ đã từng qua

Nhật, qua Xiêm, nổi được tiếng Tàu, còn 4 vị kia đều không biết, nên 5 người muốn cho thiên hạ khỏi ngờ, cứ im lặng không hề dấu nói nửa lời, chỉ lấy mặt nhia nhau cười thầm và luôn luôn hồi-hộp. Mãi đến buora, mọi người đều ngủ, mới dám tụ-thập với nhau vài câu chuyện kín Trành-linh, bỗng một người trạc độ 30 tuổi, trạc rộng, mặt gầy, hai mắt long lanh, khoác một cái áo đầu bắp màu xanh, tiến đến trước 5 người vừa cười vừa khẽ nói :

— « Tôi chắc các ông không phải người Tàu, và cũng không phải người tầm thường tôi đã để ý theo các ông từ lúc các ông xuống tàu »

Năm vị hành khách, hết hồn, nín-thít không dám đáp nửa tiếng, vì sợ nỡ gặp phải những tay « mặt ngọc » dạ chó » thì cái mộng quang phục Việt-nam tất đến tan rã; mà cái thân bốn ba cửa quốc tất đến vào lao, ông đầu bếp, thấy thế, ra ý bức tức, lại nói :

— « Ay các ông đừng ngồi thẳng Lý-Tuệ không làm được việc chi cả !

Lúc đó cụ Cường-Đề nhìn cụ Phan Bội-Châu ra ý lo sợ, cụ Phan Chu Trinh thì cứ bấm vào đùi Tăng-Bạt-Hổ Nguyễn Đền vì lấy mắt ra hiệu, có ý bảo nên vận thân. Cụ Phan Bội-Châu thấy cử chỉ ông Lý-Tuệ thành thật ngồ hời tâm can, ông Lý-Tuệ (chính tên là Nguyễn Hữu-Tuệ ở Nam-dịnh) liền cáo từ. Đến khi tàu tới Hương-cảng, ông Lý-Tuệ lo lắng săn-sóc cho 5 người ăn ở tại khách-sạn Thái-lai rồi đến nửa đêm, đến nhà trọ tiếp chuyện và xin đảm nhận-việc đưa người trong nước xuất đờng. Từ đó, luôn 10 năm giữ, công việc nặng nề nguy

hiem ấy, ông Lý-Tuệ càng đáng một cách đặc-lạ. Cụ Phan Chu Trinh về nước, cũng nhờ tay ông, và hàng nghìn vị cách-mệnh, ái quốc đi về cùng thư tín vãng lai, trông ngoài liên lạc đều do lòng hảo hiệp, chỉ khôn ngoan của ông xếp-đặt cả. Ông lại bỏ tiền riêng thuê một gian nhà gần bên Tàu để làm chỗ trú cho các tay xuất ngoại. Vì thế chớ nên, các nhà ái quốc muốn ra ngoài để học hay vận động đều tụ tập ở nhà ông Lý-Tuệ rất nhiều. Lương đầu bếp có là bao, mà lại còn đã dâng các đồng chí tập nập có một hôm cụ Phan Bội-Châu muốn giúp ông ít nhiều tiền chi dụng, ông thốt lớn : « Các ông lại nghĩ rằng Lý-Tuệ là thằng hư à ».

Cái tiết-thảo và lòng nghĩa hiệp của vị anh hùng trong bóng tối đó suốt 10 năm trời; ai là người giằng hồ hải ngoại, đều thân phò đến sau việc ông làm vỡ lở, nhà chức trách bắt ông, dọa phạt, đồ danh để ông chỉ diêm những việc bí mật và những nhà lãnh tụ, ông đều từ chối khăng khăng chịu tội chứ không khai. Sau chính ông Toàn-quyền Albert Sarraut thân đồ ông rằng

— « Nếu anh chỉ bày cách để bắt Cường-Đề và Phan Bội-Châu thì Chính phủ thưởng cho 3000\$ bạc và bỏ ngục chờ Tri-huyện ».

Ông đầu bếp nghèo ấy vẫn đứng-dừng, tư chỗ cả danh lẫn lợi, lại vui lòng sung-sướng tình cái anh 7 năm đi đây Sau hết hạn đầy, ông về quê nhà ở Nam-dịnh, nhà ở này Cụ Phan Bội-Châu có phùng một đôi câu đối để khắc vào bia mộ

Sống với giang san, chết với
giang san, trong đám than tro,
vàng mới quý ;

Buồn vì chúng lộc, vui vì
chúng lộc, trước hờn thẹn
thánh, phách càng linh.

Trong các cuộc vận động, cụ
Đỗ Đình-Trạch đều có tham
gia, tổ chức, giúp đỡ ngay khi
cụ Phan và cụ Cường-Đề trú
tại nhà cụ, lúc từ-biệt ra Hải-
phong, xuống tàu để xuất
duyệt cụ Cường-Đề có tặng
cụ hai cái nghêu lẳng đá làm
kỷ-niệm; hiện nay con cháu
còn giữ.

Lúc về già — Đang lấy thành
bại loạn anh-hung. Lúc tiền
trúng) cụ tham gia vào các
cuộc vận động như độc lập tuy
chưa được toại chí với thiên
hạ, nhưng khi tiết của cụ vẫn
rực rỡ trong làng văn-thần ;
đến khi quá tuổi về già cụ lại
đem tài ba hiểu biết ở hương
thôn ; nào sửa sang việc làng,
nào rèn luyện dân trí, lập-kho,
nghĩa xuong sửa soạn, để đến
kỳ sử thuế giúp đỡ cho dân
nghèo; vì thế dân làng cảm ơn,
được tượng trưng thần dựng
bia kỷ-niệm để ghi công ơn cụ.

Cụ có soạn đôi câu đối dễ hai
bên lưọng :

Bình sinh trượng trượng-ha ;
Di lượng tác thanh cao.

Dịch

Bình sinh vẫn giữ nền trung
tín ;

Di lượng, như là vẻ thanh
cao.

(Triệu Nam hồng dịch)

Bài minh đồ ở tượng cụ :
Định trạch đảm công thạch
tượng minh

Đảm công hữ hà trạch
Định hương địa cảm linh !
Độc giả nhất phiên thạch,
Di kỷ công sinh bình
Hình tại trấn như tại,
Nhân danh địa dĩ dĩ h,
Văn chương hiện cổ sự,
Tĩnh thơ chữ dân trịnh;

(Cử nhân Vũ Lương Qui soạn)
Dịch

Ông trước có di trạch,
Đã nay còn đảm tịnh
Tạm lấy tấm trịnh thạch,
Đã ghi truyện sinh bình,
Hình còn thần bao mất,
Người hay đất nổi danh,
Nghìn năm còn bia miệng,
Gọi là mây lời minh,

(Triệu Nam hồng dịch)

Trong nhà cụ các bằng hữu
tặng câu đối rất nhiều lược
mấy câu, dễ tỏ rõ chí sinh
bình của cụ.

Ông Tôn Nhật Phong hiện
là Ngọc-dền có câu :

Cổ trúc phong thanh kim
thượng tại ;
Sải tang tâm sự lạc hà phi,

Dịch

Phong thanh Cổ trúc nay còn đó ;
Tâm sự Sải tang trước khác gì

(Triệu Nam hồng dịch)

Lại ông Trần văn Quỳnh,
Hiện bộ lang trung có câu ;
Tiết hạnh thể vị tư thổ mĩ
Phong thanh nhữ khởi thập
niên gian

Tiết-hạnh vang lừng trong đất
rừng

Tĩnh tâm soi nổi mấy năm trời

(Triệu Nam hồng dịch)

Chời cụ 62 tuổi, còn mẹ già
80, trong gia đình gái trai toại
nguyên, con cháu đầy đàn, hàng
năm cứ đến đầu xuân lại mở
tiệc bài nôm cụ Thân mẫu ông
Tú tại Nguyễn Văn Trinh, người
làng Di-sử, huyện Mỹ lộc Nam
định có câu đối :

Trung nghĩa gia phong cõi
lành bắc

Hiếu từ môn địa vị giang nam
Dịch

Nên cõi xây vũng nền trung
nghĩa ;

Sống vị thơm luôn của hiếu từ.

(Triệu Nam hồng dịch)

Lại khi bà cụ Huyền mẫu, ông
Nguyễn văn Tĩnh người
xã Oa-thảo cùng huyện có câu
đối viếng :

Tiết phát phượng hình thành
thị tử :

Hàm di văn phúc cấp lừng lớn.

Dịch

Cải lộc dạy con nhà có phép,
Nguyện dương môn chất cảnh
chưa già.

(Triệu Nam hồng dịch)

Năm Bình thân (1916) gặp (tiết)
lên quang đại lễ đức Khải định
quan lĩnh dâng sớ kể công trạng
liệt thảo của cụ. Triều đình sớ
phong cho cụ Hàn lâm viện thị
độc học sĩ ; đến năm dnh tỵ
(1917) cụ mất thọ 73 tuổi,
thất là :

Nếp đất bao phải gương nghĩa
hiệp,

Dền giới soi thấu tấm trung
canh

(Triệu Nam hồng dịch)

LONG DIEN

Al liệu trích ở Lịch sử địa dư (từ đời
văn-hội thuật của con cháu nhà chí sớ)

1) Cổ trúc Di, Tề, con vua Cờ
trúc, ở ở núi Thử-đương.

2) Sải tang đến nỗi, đời Tấn, ông
Đào-Tĩnh đến ở đất

Tội ác người Pháp

(Tiếp theo trang 21)

Độc quyền rượu

Người Pháp đặt ra độc quyền rượu của-hãng-Phong-ten thật là một cách giết dân Việt-nam rất khốc liệt. Rượu ấy chế bằng chất (đỏ), người uống rất hại cho thân thể, sinh ra trẻ con hay đau ốm và dễ chết chóc. Bã thối mà người Nam muốn tự chế lấy rượu ngoại lãnh để uống lại không thể được, vì hãng Phong-ten đã chiếm độc quyền. Tuy vậy, hạng người muốn giữ gìn sức khỏe, muốn được uống thứ rượu ngon lành của họ truyền, thì vẫn không chịu uống rượu Phong-ten mà chỉ uống thứ rượu của dân gian-nấu vụng gọi là rượu lậu hay là rượu ngang. Rượu lậu vì thế không lúc nào hết người nấu mà cái nạn nhà Đoan bắt rượu lậu càng thêm khổ dân gian nhiều lắm. Năm người có vườn có ruộng, dù vườn ruộng ấy cách xa nhà ở hàng bao nhiêu cây số cũng mặc, phải chịu trách nhiệm khi nhà Đoan bắt được cơm rượu ở trên vườn ruộng ấy. Cố nhiên những người nấu rượu không bao giờ lại giấu cơm rượu ở vườn ruộng nhà mình, vì thế các cuộc bắt bớ rượu lậu, hầu hết là bắt oan nhà Đoan không kể gì đến cái oan ấy cứ việc thẳng tay mà phạt tù, phạt bạc, làm cho nhiều nhà dân phải khổ đến cực khổ.

Rất mong tập "Ngô sơn tự bất"

TRÚC - KHÉ

Các số đặc san đã ra

- | | | | |
|------|-----------|---------------------------|---------------|
| 1941 | số 17 | Trần hưng Đạo | |
| 1942 | » 34 | Xuân Nhâm Ngọ | (hết) |
| | » 38 | Hai Bà Trưng | (hết) |
| | » 41 | Đinh tiên Hoàng | (hết) |
| | » 50 | Triều Gia Long | (hết) |
| | » 63 | Nguyễn Du | (hết) |
| | » 65 | Lê Thái Tổ | (hết) |
| 1943 | » 81-82 | Xuân Quý Mùi | |
| | » 112 | Văn học phụ nữ (tập I) | (hết) |
| | » 113 | — id — | (» II) (hết) |
| | » 119 | Thanh niên | (» I) (hết) |
| | » 120 | — id — | (» II) (hết) |
| 1944 | » 126 127 | Xuân Giáp thấn | (hết) |
| | » 133 | Thi ca Việt Nam | (» I) |
| | » 134 | — id — | (» II) |
| | » 135 | — id — | (» III) |
| | » 147 | Tục ngữ phong dao (tập I) | (hết) |
| | » 148 | — id — | (» II) (hết) |
| | » 161 | Thu (1944) — | (tập I) |
| | » 160 | — id — | (» II) |
| 1945 | » 175-178 | Xuân Ất Dậu | (hết) |
| | » 179 | Sổ đầu Xuân | |
| | » 185-186 | Việt-nam giải phóng | |

CÁC ĐẶC SAN CỦA TRI TÂN ĐƯỢC
HẾT THAY ĐỘC GIẢ HOÀN NGHEM
— SẼ RA NHIỀU ĐẶC SAN KHÁC —

THANH NIÊN TRƯỚC CUỘC GIẢI PHÓNG CỦA ĐẤT NƯỚC

Đã hơn sáu mươi năm nay, trên đất đất này đã rơi bao phủ một mùa tang !

Ba mươi triệu dân Nam-Việt đã từng sống những ngày ấm thắm bên lũy. Hai thầy mọi người hăm hực ôm một mối cảm hờn trong trái tim khao khát trả thù chúng.

Đối với tâm lòng thiết tha yêu nước thương nòi của con cháu Lạc-Vương, giữa Pháo đài luôn luôn đập lại bằng tiếng nổ của súng, đạn dè thủ địch, tay đàn áp mà tự do hát máu má của dân dân mỗi nước.

Nghĩ tới bờ cõi bị kẻ cường quyền giày đạp và đập-dỡ, phần đóng đồng bào ta luôn luôn khinh thường những sự khốn khổ mà nỗ lực chiến đấu trong bóng tối để mong giải phóng cho xứ-sở.

Là người Việt Nam, ai người không nghĩ tới chiến công anh liệt của Hai Bà Trưng, 40 năm trước Trưng-lic đã từng đánh đuổi quân Tô, việc Ngô-Quyên đã đại phá quân Nam Hán (939) ; với Lê-Đại-Hành (981) đã làm tan tác giặc Tống ở Chi-Lân ?

Ai người quên được các bậc đại anh hùng như Lý-thường-Kiệt đã xưa đuổi quân Tà ra ngoài bờ cõi (1078) ; Trần-hưng-Đạo đã quét sạch quân Nguyên sau 6 năm huyết chiến (1288), Lê-Lợi đã cả phá quân Minh (1428) sau 10 năm phẫn-đấu và Nguyễn-Huê đã oai-phùng xưa đuổi chém giết quân Thanh (1778) để đánh cho đồng bào thoát vòng nô lệ !

Là thanh niên của đất nước, chúng ta, con cháu những vị anh hùng ấy, trước cảnh dễ nên của giặc Pháp, ai là chả thấy tâm nước mất nhà tan mà không máu-rộn trong tim, một lòng mong xưa đuổi kẻ thù ra khỏi nước ?

Trước bàn thờ của Tổ quốc, trước anh hồn của các bậc vĩ nhân, phần đồng thanh niên chúng ta trong ngày giỗ Tổ đã từng dâng kính cầu nguyện :

« Trời mây u ám, gió cuốn lá rơi hoa cỏ.

Thời xưa lưu dấu âm vang nỉ non trong gió.

Người xưa dấn tạc ? Có khỏe nhũng đêm lạnh lẽo ?

Người xưa dấn tạc ? Có khỏe những khi trời chiều ?

Tướng như lời bao khi, ai kia xưa quân giặc Chăm

Tướng như lời bao khi, ai kia xưa quân giặc Chăm

miền trong.

Người nay dấn tạc ? Có biết hồ vũng đèn lửa ?

Nào ai nghe đến nhũng tiếng nước non dấn tạc ?

Nào ai đứng ngửa mặt trên đường gọi danh ?

Nào ai đang ngả say-sưa trên gác mình ?

Chờ đợi cá thảy ! Quyết chí phẫn dục thì gan hùm

nhỉ cũng ai

Bên mắt sáng ? Hỡi ngó thế giới, xem gương dạy
lên người tài !

Rồng Nam nổi lên trơ giống nòi !

Người Nam anh dũng ! Nơi đến tầm gương kẻ xưa
chờ để thuyêt thôi.

Người xưa dấn tạc ! Hỡi giỗ thủa lên dấn tạc !

Người xưa dấn tạc ! Hỡi giỗ thủa lên dấn tạc !

Người xưa dấn tạc ! Hỡi giỗ thủa lên dấn tạc !

Người xưa dấn tạc ! Hỡi giỗ thủa lên dấn tạc !
(Lục-h-Phước-Mai-Lục)

Ngày nay hồn giết máu đào với người hiệp khách
đất Pha lanq, chúng ta đã thoát vòng nô lệ ! Xứng
sinh gông rùm đồng bào chúng ta trong bao năm nay
đã được chặt phá. Sông núi đất Việt đã quay về với
cổ chủ mà chào đón một kỷ nguyên mới của lịch sử.

Nay giờ tươi đẹp đã đến. Đám mây u ám che phủ
núi sông cây cỏ không còn nữa. Trời xanh thẳm cả thảy
quang mây lạnh, thanh niên Nam-Việt đã thấy lòng
tưng bừng hăng hái, chưa chán sinh lực để góp sức
cùng mọi người cũng cố nền độc-lập và an toàn của
đất nước mà cùng nhau lên tiếng gọi :

« Này anh em ơi ! Quid ? gia đến ngày giải phóng

« Đồng lòng cùng đi, hy sinh liêu gì thủa sống

« Vì tương lai quốc gia, vì tương lai của quê hương

« Làm sao cho núi sông, là nay luôn vững bền

« Dù cho phớt lờ trên gương giáo

« Thủ nước lấy máu đào đem báo

« Nơi giỗ thủa hiên phôi dấn giải ngay

« Đoàn thanh niên ta cổ rên tâm chí

« Hùng hăng, quyết chiến đấu làm sao khắp nơi

« Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời

« Thanh niên ơi ! Máu hiên thân dưới cờ

« Thanh niên ơi ! Máu làm cho cõi bờ

« Thoát cơn tàn phá, rẽ ngang đời sống

« Xứng danh ngìn năm giòng giống Lạc-Hồng ».

(Tiếng gọi Thanh niên)

Quả thật khó g lúc nào bằng lúc này tâm hồn
thanh niên được sống nhũng ngày giải-phóng vì mọi
người đều rõ giờ phút này không phải là giờ phút
thanh niên ? Tri không mình gian hãm trong tình
gĩa nhũn hợp mà thờ ơ với vận mệnh đất nước.

Đoàn kết để gáp một lực lượng chiến đấu cho
nền độc-lập hoàn toàn, đó là khẩu hiệ của toàn thể
thanh niên.

Lãnh đạo là đặc lợi !

Nghĩ ngó là phá hoại !

Chia rẽ là phản bội !

PHẠM-MẠNH-PHAN

Thơ và câu đối...

(Tiếp theo trang 14)

Dịch

Rắn-rỏi thay, riêng ôm tiết đảng !
 óng cũng Lẽt lòng thôi : phải
 quây trong Trảo cứ bản luận
 Thẹn-thỏm bấy, không nài chuyện
 chi ! ai đã chết được nhỉ ? xưa
 nay việc nước rất khó-khăn !

身徇孤城濃嶺千秋銘素節
 志殲仇虜珥河片月白丹心

Dịch âm

Thân tuẫn cô thành, Nung-ling
 thiên thu minh tổ tiết.
 Chí tiêm cứu lỗ, Nhị-bà phiến
 nguyệt bạch đào tâm.

Dịch

Chết với thành cô, nghìn năm non
 Nùng ghi tiết sạch
 Chí trừ giặc dữ, mảnh trăng sông
 Nhị tổ lòng son.

仰望海雲遙范協辦赴書終去臘
 忠魂竟在阮相公遺廟示斯城

Vật vọng Hải vân dao, Phạm
 hiệp biện (?) phó thư tài
 khứ lập.

Trung hồn Long đồ tại, Nguyễn
 tướng công (?) di miếu
 diệc tư thành.

Dịch

Ài Hải - vân, tiếng cả xa xăm,
 Phạm Hiệp biện (?) đưa
 thư cuối năm ngoài.

Thành Thăng-long, hồn trung
 bàng bạc, Nguyễn tướng-
 công (?) có miếu ở thành
 này.

昔無虞而暮率今有備而艱危兩番軍旅
 情形全把長江嗟十載
 城既失而仍存公一亡而不復片念英雄
 發用尚憑青史問千年

Tích vô ngu nhi kháng tuốt, kim
 hữu bị nhi gian nguy lưỡng
 phiên quân lữ tình bình, toàn
 bả trường giang ta thập tải,
 Thành ký thất nhi những: tôn,
 công nhất vong: ni bất phục,
 phiến niệm anh hùng phát
 dụng, thượng bằng thanh
 sử vấn thiên niên...

Dịch

Xưa không ngừa mà bối rối,
 nay phòng bị mà gian nguy,
 tình-hình quân lữ hai phen,
 phó mặc nước sông xuôi,
 mười năm buồn nhĩ!

Thành đã mất mà lại còn, ông
 chết đi mà chẳng dậy, thi-
 thổ anh hùng một dạ, rồi
 ra ngời sử chép, nghìn thuở
 sao đây?

賦政多年吾北士民皆見暴
 背城此戰全圻事効最攸開

Dịch âm

Phủ chính đa niên, ngô Bắc sĩ
 dân giai kiến bạo.

Bội thành thử chiến, toàn kỳ sự
 thế tối du quan.

Dịch

Chính sự bao năm, dân sĩ Bắc-
 hà đều triu mến.

Chiến tranh một trận, tình hình
 toàn hạt bỗng xoay vần.

倉卒臨機城上孤軍懷正氣
 從容就義珥渭終古照丹心

Thảng thốt lâm cơ, thành thượng
 cô quân hoài chính khí.

Thung dung tựu nghĩa, Ngãi mi
 chung cổ chiếu dan tâm.

Dịch:

Gấp rút lâm cơ, thành Bắc quân
 côi ôm khí chính.

Ung dung tới nghĩa, bến Hồng
 đời thừa rọi lòng son,

事到千萬難終始一心銘鐵石
 節見從容易孝忠全局繫江山

Sự đáo thiên vạn nan, chung
 thủy phát tâm minh thiết
 thạch.

Tiết kiến thung dung đi, hiếu
 trung toàn cục hệ giang sơn

Dịch

Công việc khó muôn vàn, sau
 trước tạc ghi lòng sắt đá.

Ung dung treo tiết tháo, hiếu
 trung vẹn vẽ gánh non sông.

朝廷深念安民計
 臣子惟懷報國心

Triều đình thâm niệm an dân kế,
 Thần tử duy hoài báo quốc tâm.

Dịch

Tôi con riêng nặng lòng trung
 nước,

Làng miếu sâu lo chúc vẽ dân.

**

遺恨尚多流珥水
毅魂未肯過雲開

Di hận thượng đa lưu Nhĩ thủy,
Nghị hồn vị khứ quá Vân quan

Dịch

Hận sót dài theo sông Nhĩ chảy,
Hồn thiêng đâu chịu ải Vân qua

**

一死忠懸天日月
千秋氣作地山河

Nhất tử trung huyền thiên nhật
nguyệt

Thiên thu khí tác địa sơn hà
Dịch

Một chết trung treo cao nhật
nguyệt,

Ngàn thu khí tỏa khắp sơn hà.

**

廟堂慮以萬全好舉有好機會
相公毅然一戰此心對此江山

Miếu đường lự dĩ vạn toàn : hảo
cử hữu hảo cơ hội.

Tướng công nghị nhiên nhất
chiến : thử tâm đối thử
giang san.

Dịch

Triều đình lo chước vạn toàn :
việc tốt chờ cơ hội tốt.

Tướng công liều đánh một trận :
lòng này với núi sông này.

**

人亡而城存十載山河開一戰
事久則論定千秋星日誕孤忠

Nhân vong nhi thành tồn, thập
tải sơn hà quan nhất chiến.

Sự cứu tắc luận định, thiên thu
tinh nhật dẫn cô trung.

Dịch

Người mất nhưng thành còn,
sông núi mười năm do một
trận đánh.

Việc lâu thì luận định, trăm
sao nghìn thuở rạng rỡ mãi
trung côi.

**

不亡者存龍肚城自古
有知咸惜壯烈伯而今

Bất vong giả tồn, Long đở thành
tự cổ.

Hữu tri hân tích, Tráng-liệt
bá (2) nhĩ kim.

Dịch

Không mất được đâu : ấy Thăng-
long thành tự thừa trước.

Ai biết cũng tiếc : từ Tráng-liệt
bá (2) đến ông nay.

**

豪氣歎吞牛藩落直將英水洗
忠魂寧許國浪湖分付珥江流

Hào khí dục thôn Ngưu, Cảo-
lạc (?) trực tương Anh-
thủy (?) tẩy.

Trung hồn ninh hứa quốc, Lăng-
hồ phân phó Nhĩ giang lưu

Dịch

Khi hào nuốt sào Ngưu, Cảo-
lạc (?) với sông Anh (?)
rửa sạch.

Hồn trung dâng nước tô, Lăng-
hồ cùng sông Nhĩ buông
xuôi.

**

君能不苟生可無幾十年前壯烈
戰亦長太息如之何六冊此江山

Quân năng bất cẩu sinh, khả vô
nhiệm thập niên tiền
Tráng-liệt (2).

Ngã dục trường thái tức ! phụ
chỉ hà tặc châu thủy giang
sơn ?

Dịch

Bác có chịu sống dục đâu ! kèm
gi ông Tráng-liệt (2) mười
năm trước.

Tôi cũng đành thờ dài vậy ! tính
sống dài non sông sáu châu
này ?

**

何處風雲起珥城白守抱孤忠
三軍借門誰聲援一戰那爭歟力同
獨是死生惟義命雖然成敗似英雄
算來幾得儒儒輩一繫綱常武廟中

Hà xứ phong vân khởi Nhĩ, Nùng ?
Cố thành tự thủ bão cô trung !
Tam quân tá vãn thủy thành-viễn ?
Nhất chiến na tranh chống lực
đồng.

Độc tí tử sinh duy nghĩa mệnh,
Tuy nhiên thành bại lẫn anh-hùng.
Toán lại kỷ đã : cho trù bởi
Nhất hộ cương-thường Võ-miếu-
trung ?

Dịch

Sóng gió từ đâu nổi Nhĩ, Nùng ?
Thành côi cố giữ, giữ gan trung :
Ba quân vãn hồi ai người giúp ?
Một trận khôn tranh sức-vóc cùng !
Sống thác chỉ liều theo nghĩa-mệnh,
Nén hờ cũng kẻ thấy anh-hùng.
Giấy treo Võ-miếu, cương-thường
nặng :

Mấy mặt lòng cho được thổ không ?

H. B.

(1) Trỏ Nguyễn Tri-Phương thờ
ở miếu Trưng kiệt.

(2) Trước phong của Nguyễn Tri-
Phương

Những cuộc cách-mệnh...

(Tiếp theo trang 17)

Việc Đề Thám từ 1885-1893

Đáp theo tiếng gọi của vua, Hoàng Hoa-Thám, sau gọi Đề Thám hay Đề Dương (?), nổi lên bài Pháp từ năm 1885.

Ban đầu, 1885-1888, Hoàng Hoa-Thám ở làng Chung làng Các và ở huyện lỵ Yên-lũng (nay là Việt-yên, Bắc-giang).

Lấy giờ Hoàng đã có một lực lượng đáng kể.

Trận đầu, Hoàng đánh với thống tướng Godin và đại tá Godard.

Năm 1890, Hoàng ẩn hiện ở các khu rừng Yên-thế, dần dần lập lũy ở vùng Hữu-thượng.

Mấy lần vào những ngày 9, 11 và 22 tháng chạp 1890, Hoàng đánh thắng được bọn trung-tá Xinkel Mayer, thiếu-tá Tane và đại úy Plessier.

Khoảng năm 1891 - 1892, Hoàng chống nhau với Voiron là một thống tướng Pháp rất lợi hại.

Hoàng rất có tài hành binh. Ban ngày cho quân ẩn trong hang đá hay trong hầm đào dưới đất, ban đêm lại kéo ra đánh phá đồn trại bên địch hoặc « làm » lương thực cho quân giặc. Vì thế, từ năm 1893 đến 1894, người Pháp phải bao phen nhọc nhằn mà không làm gì được.

Ngày 18 tháng năm, 1894, người Pháp sai Bá Phức, một tướng đã đầu hàng, lấy tư-cách là nghĩa phụ của Hoàng, vào tận

trại quân Yên-thế đề dụ Hoàng, Hoàng bèn tương kế tựu kế, chẳng những không mả: mưu gian của Bá Phức, mà lại đánh tấng một trau lớn vào ngày hôm sau (19-5-1894).

Những cuộc bắt cóc Chasnay, chủ nhiệm tờ *Avenir du Tonkin* và Logiou, bình-bút báo ấy (17-9-1894), và Voisin trên đường Thái-nguyên (5-7-1909) luôn với những việc ám sát hai người cảnh-sát Tây và một viên chức nhà Thương-chính ở tỉnh Bắc-ninh (tháng tư 1895) đều do đáng phái Hoàng tướng quân gây nên cả.

« Bình bắt yến-trà », Hoàng đã ứng dụng câu ấy trong nhiều lần trả hàng (một lần vào ngày tháng mười, 1894 và một lần vào ngày 17 tháng tư 1901) để dưỡng uy sức nhuệ, để tích trữ lương thảo, để chiêu mộ tướng sĩ và để chờ thời cơ...

Sau việc đầu độc thất bại ở Hà-thành, (xì coi phần sau), quân cách-mệnh Yên-thế dần dần tàn tạ. Đến tháng hai 1913, Hoàng tướng quân bị hạ tên người khách, là thủ hạ con nuôi Lương Tam-Kỷ, giết chết trong khi không phòng-bị.

Hoàng tuy bị đầu độc, nhưng tâm lòng hi-sinh vì nước của tướng quân vẫn nghìn thu gấm tở dưới bóng thanh thiên bạch nhật. Ngay như tác-giả cuốn *Indochine Française* là Paul Doumer cũng phải nhìn nhận Hoàng tướng quân là một lãnh-tụ đáng Việt-nam phần đối đã đề - kháng và đánh nhau với Pháp (trang 397). Vậy đủ biết nhân cách và việc làm của Hoàng là thế nào!

Vụ đầu độc năm 1908 (?)

Bấy giờ ở phố Cửa Nam, có một nhà Hai Hiên, trước làm đầu bếp trong tỉnh, sau nghỉ ở nhà, mở cửa hàng vừa thổi cơm tháng vừa chữa trị.

Vì ông Hai Hiên là một bậc đàn anh trong giới « nhân-công tư-gia », nên anh em bồi bếp thường lui tới để nhờ tìm việc hoặc giới thiệu chỗ làm.

Hằng ngày, tại nhà ấy, số « thực khách » thường ngồi từ 4, 5 đến 9, 10 mâm mỗi bữa ăn, trong đó binh-lính có, bồi bếp có, nhà nho cũng có.

Mấy người thân tín của Hoàng Hoa-Thám tức Đề Thám như Đội Hồ, Chánh Song, mỗi khi về Hà-nội, đề tuyên-truyền, « làm tiền » (?) hoặc « mồi người » thường qua lại nhà trọ Cửa Nam ấy. Vì thế họ hằng có dịp tiếp-xúc với nhân-vật trong quân giới như Đội Bình, Cai Nga, v. v.

Rồi do Đội Hồ ngầm ngầm cớ động, một cuộc âm mưu bài Pháp được anh em bồi bếp và quân nhân đồng ý tác thành. Gia dĩ hai thầy đồ (không rõ tên) thuật số ở trọ nhà Hai Hiên ấy lại thúc giục thêm vào: Tuổi là việc đầu độc bùng nổ vào đêm 27 tháng sáu 1908.

Nhưng vì có « nội công » cáo lỗi, nên người Pháp đã đề phòng trước. Bữa cơm tối hôm ấy, chỉ những người Tây trong bộ binh thuộc địa (*Infanterie coloniale*) và trong pháo binh (*artillerie*) trúng độc nhờ nhẹ thôi.

Sau cuộc đầu độc: thất bại ngoài một số chỉ - sĩ bị bắt, bị dày, có cả Đông Đa phải tự tử ở ngục Phúc-yên, Đội Bình, Cai Nga v. v. bị xử tử ở Hà-nội.

Người ta thuật lại rằng, khi đám Đội Binh bị giải ra pháp trường, có cha con nhà quan lều cao cấp kia, che trốn lộng, ghéh ngay đi giám chăm, bị những nhà quốc sự phạm ấy; trước lúc lên đoạn đầu đài, lớn tiếng nhục mạ như té như tát, sau phải vội vàng lỉnh lỉnh lẩn về với những chiếc lọng cụp lại.

Việt-nam quang phục hội

Từ khi Pháp thuộc Phan Bội Châu đầu đón trước cảnh nước mất nhà tan, bèn trốn đi xuất dương (1904), vận động việc phục quốc.

Rồi Phan đem Kỳ - ngoại - hầu Cường-Đề ra hải ngoại, lập làm minh chủ, hiệu triệu các bạn đồng chí, tổ chức Việt-nam quang-phục hội (4). Hội ấy đã làm được những việc như :

1) *Tuyển người đi du học.* — Từ khoảng 1905 trở đi, Hội tìm đủ các phương-tiện để tuyển các thanh-niên anh-tuấn trong khắp ba kỳ sang Nhật du học : hoặc do đường sơn cước, lườn rừng lách núi mà sang Tàu, hoặc do phững người bồi tàu tây ở Hải - phòng, như Lý Tuệ chẳng hạn, bắt lòng giúp đỡ để cho thoát hiểm, rồi sang lọt Trung - hoa, đám thanh-niên xuất dương ấy được đưa đi Đông-du, vào tổng học tại Đông

văn học biện (5), hoặc Cũn - võ học-biện (6) bên Nhật. Nhưng từ năm 1908-1909 về sau, vì thời cục đổi khác, các nhà lãnh tụ cách-mệnh Việt-nam cùng với hàng trăm thanh niên đang tự nghiệp ấy đều phải rời Nhật, lánh sang Tàu hoặc Tiêm !

2) *Việc ném bom năm 1913.* — Năm 1913, được những người Tàu ở Quảng-tây giúp ngầm, làng Việt-nam quang - phục hoạt - động rất háng-hải : Ở Sài-gòn có nhiều sách kích-liệt ngầm-ngầm lưu-bán, có nhiều bom lựu đạn ở ngoài đường và có cuộc âm mưu bị đập tắt. Ở Bắc - kỳ, ngày 12 tháng tư 1913, một quả lựu-dạn (grenade) giết chết tuần phủ Thái bình Nguyễn Duy-Hàn khi đang ngồi xe ở tòa Sứ đi ra. — Ở 7 giờ rưỡi tối 26 tháng tư 1913 một trái bom ném vào hiên nhà Hanoi-Hôtel ở phố Hàng Trống, giết chết hai tuần-ý là Chapuis và Montgrand, và làm bị thương nhiều người Pháp (7).

3) *Nhân dịp Ấu chiến, định về cứu sự.* — Từ năm 1914, trận Ấu chiến bùng nổ, các nhà cách-mệnh Việt-nam nhào dịp người Pháp đang mải chống Đức, đưa quay về nước, quyết hoạt động một phần để làm cho đạt mục đích. Nhưng việc bại lộ, Đỗ-Gor-Quang cùng 58 đồng-chí đều bị hại cả (8).

4) *Việc mưu sát viên Toàn-quyền Merlin.* — Phạm-Hồng-Tuất, đảng viên Việt-nam quang phục, năm 1914, được tin viên Toàn - quyền Merlin đi Nhật, Thượng - hải và Quảng-dông, bèn giết một khẩu súng lục và một trái bom đi theo để mưu việc ám sát viên Toàn-quyền ấy. Nhưng, qua Nhật, qua Thượng-hải, vẫn

chưa có dịp hạ thủ vì việc canh-phòng rất nghiêm-mật. Cuối cùng theo đến Quảng-dông, Phạm, sau khi dò biết viên Toàn-quyền Merlin sẽ chủ tọa một bữa dạ yến ở khách sạn Victoria, bèn nói với một bạn rằng : « Tôi không dám quyết việc làm này sẽ thành công nhưng thề không khi nào chịu sống trong tay người Pháp. Tôi mong anh làm cho thiên hạ biết đến cái mục đích đảng tôi đang theo-dõi, hầu cho người Pháp không bắt lầm và giết oan những người vô tội ! »

Đến tám giờ tối 19 tháng sáu 1914, Phạm vận-dụng đủ mọi mưu lược, vào lọt được phòng khách-vũ trong khách-sạn Victoria. Rồi âm mưu một tiếng : « Attention, attention ! »

(Xem tiếp trang 32)

(1) Phần này phần nhiều dựa tài-liệu trong Báo giáng địa chí của Nhật Nham Trại-Nhật-Tử, từ trang 55-56.

2) Phần này, rút tài-liệu trong cuốn Đông kinh nghĩa thực đang lưu của Hoa-Băng.

3) Một danh-từ của phái cách-mệnh thường dùng từ xưa, chuyên chỉ về việc liệu lý tài-chính, để giúp quỹ-dân, chứ không chỉ về những hành-vi bất chính để được có tiền như thời nay.

4) Sự cải-tổ làm « Việt-nam phục quốc đồng minh hội » do Kỳ - ngoại - hầu Cường-Đề làm ủy-viên trưởng

5) Dạy về chính-trị và kinh-lễ.

6) Trường này lập riêng cho người Việt-nam.

7) Dựa tài-liệu trong cuốn La garde indigène de l'Indochine de sa création à nos jours của E. Dausès (A. Saignon, 1933), tập 1, trang 227-228.

8) Theo tài-liệu trong « Nam chí tập » của Nguyễn Thượng-Hiền.

Kính-cáo độc-giả

Ông Nguyễn-Văn-An bản chủ đại diện sẽ trở lại Nam-kỳ để tiếp-tục công việc tổ-chức sự cổ-động cho bản-củi. Mong rằng bạn đọc: thân yêu sẽ tin-nhiệm và ủng-hộ cho Ông Nguyễn-Văn-An trong khi làm phạm-sự.

TY TRỊ SỰ TRI-TÂN

VIỆC HỌC ĐỘC LẬP

NGUYỄN PHUONG

Sau cuộc đảo chính hôm mồng chín tháng ba dương lịch, Đức Páo Đại đã tuyên bố nước Đại-Việt độc-lập ta cần phải có một tinh thần độc-lập; mà một điều cốt yếu trong tinh thần độc-lập là việc học phải được độc-lập.

Việc học thế nào là độc-lập? Là dân Đại-Việt, ta phải học tiếng Đại-Việt, học chữ Đại-Việt, tập viết văn Đại-Việt học các môn cần phải học bằng tiếng Đại-Việt. Còn bất cứ một thứ tiếng gì, một thứ chữ gì, đều là môn phụ tất cả. Cái phụ đó ta sẽ học sau, ta sẽ chọn xem một hay nhiều, thứ tiếng nào thứ chữ nào, có ích cho ta hoặc về phương diện ngoại-giao, hoặc về phương diện kinh tế, hoặc về phương diện văn hóa, tất ta sẽ chia nhau ra học, người học thứ này, người học thứ kia, tùy tài, tùy sở thích và tùy sự cần dùng.

Ta xưa nay vốn quen đi học là học chữ, cho nên trước thì học chỉ là chữ, đã là vậy, mà gần đây lại học *vache* là bò cái, *la vache* là con bò cái. Cho nên có nhiều phụ huynh tưởng rằng học chữ quốc ngữ bây giờ thì chỉ một tháng là hết chữ thầy. Khô khan! Cái số ngày ngày đại đại đó cũng còn khá đông. Họ không hiểu rằng học dễ biết,

mà ở đời có bao nhiêu là thứ cần phải biết, mà một người dù thông minh đến đâu ra nữa hẳn kỳ « nước mực tập hàng » hay « bát hàng » chẳng nữa, cho học ngay từ năm lên một (nếu sớm biết) cho đến năm một trăm tuổi thì cũng không sao học hết được, huống chi chỉ học một tháng ư. Biết một ít tiếng, một ít chữ ngoại-quốc, « gặp đồng bào, bi-ba bi-bô, lư-la lư-lô mấy câu, để loè nhau như con vẹt nói « có khách », « quạt nước », sáo gọi là học được. Nếu chỉ có thế thôi thì cái học chẳng hoá ra giỡn-dì lăm ư!

Bề học mệnh mỏng, nào cách vật, trí tri, nào tu tề trí bình, lại còn bao nhiêu môn khoa học tân tiến, thế mà có một số người mình ngày nay dám cho là học chỉ-một tháng là hết.

Xin nói gở lại việc học độc lập.

Nay ta đã được tự do học tiếng ta và học bằng tiếng ta, ta nên gạt hết cái óc nô-lệ đi mà học cho phải đường.

Nhưng muốn học bằng tiếng ta, ta phải có nhiều sách, rõ nhiều sách, lại phải có thầy giáo nữa. Làm thế nào?

Tôi xin lấy thiền kiến pháp qua một cái chương trình như

sau này, mong các bậc cao minh chỉ giáo thêm cho. Cái chương trình này về tiểu học và trung học thì có thể thực hành ngay được; còn về Cao đẳng thì chưa dám bàn đến.

1) — Trong lúc chưa có đủ sách — Xin các nhà sư phạm dịch ngay những môn của mình phải dạy ra tiếng Việt. Nếu có những tiếng chuyên môn mà ta chưa có, thì một là tự mình đủ sức đặt ra lấy được, hai là tham bác với các bạn đồng nghiệp mà đặt ra. Nếu có tiếng nào chưa được ổn thì ta hãy cứ dùng tạm, rồi sau sẽ thay. Ngày nào dịch bài này ngay từ tối hôm trước, rồi đến lớp đọc cho học trò chép.

Việc này chắc đã có nhiều vị nghĩ đến và cũng đã đem thực hành rồi. Riêng tôi được biết có một ông giáo, ngay sau cuộc đảo chính xong, đã dịch các bài học ra tiếng Việt cho các học trò mình học ngay, trong khi các bạn khác còn hồi hộp dè dặt đợi thượng lệnh.

2) — Ngay từ giờ các ngài trong giáo giới kịp lập lấy một ban tu thư, càng nhiều người giúp càng hay. Ban tu thư lại chia ra các tiểu ban, mỗi tiểu

ban coi riêng về một môn học. Rồi tuy tài giao cho các người soạn ra các sách giáo khoa bằng tiếng Việt. Khi đã soạn xong, xem xét cẩn thận, tức thì lấy công, quỹ học-chánh in ra rõ nhiều, phân phát di các trường, bán một giá thật rẻ cho học trò dùng.

Lại đặt ra một ban chuyên dịch các sách của ta viết bằng chữ hán, rồi cũng in ra để dùng về việc học; nhất là những bộ như *Lịch triều hiến chương. Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, vãn vãn.

Ngoài ban tư thư, nếu ai có sách hay dùng về việc học đưa đến, thì cũng nên xét đoán công minh rồi nhà Học-Quỳnh nhận lấy in ra cho học trò dùng.

Tôi thiết tưởng ta làm kịp ngay đi tới đến sau kỳ nghỉ hè, đã tạm-tạm có đủ sách dùng.

3) — Trong giáo giới, chắc cũng có một số người xưa nay không quen viết quốc văn, dùng quốc ngữ, vậy đến vụ nghỉ hè này nên đặt ra các lớp tu nghiệp, để dạy quốc văn cho các vị ấy. Học khóa là hai tháng. Giáo viên thì chọn trong các vị giáo sư cao cấp, thông hiểu quốc văn và hán học.

4) — Sau kỳ nghỉ hè, lập thêm ra rõ nhiều trường sơ đẳng. Mỗi làng phải có một trường. Mỗi phủ huyện hay vài phủ huyện phải có một trường trung học.

Tiền đâu? Thiếu gì? Bỏ một viên chức Pháp, đủ nuôi được ít ra mười viên chức người ta.

5) Cho lợi Truyền Bả quốc ngữ *lư cách Công ích* (Dictionnaire public-que), để cho dân nhậu một phần lớn trong việc vỡ lòng cho quốc dân.

6) Trợ cấp cho các trường, tư đứng đắn; tuy theo số học trò nhiều ít, để các trường ấy dễ bề hạ được học phí cho con nhà nghèo.

7) Ra luật lệ rút thuế dúng, hoặc là bỏ hẳn lệ phải xin phép, để các trường từ mở được thoải mái. Nhất là những sự bị buộc về vệ sinh, thì cần phải chậm chạp chước nhiều; đến ngay vụ hè trường công của chính phủ Pháp trước cũng không đủ nổi được các điều kiện vệ sinh của các quán ăn ấy bắt buộc.

8) Bỏ các lệ phí của các kỳ thi mà tại sinh phải nộp hiện giờ. Giảm hay là bỏ hẳn các khoản học phí của các trường công, bất kỳ trung-đẳng hay là Cao-đẳng.

Nếu còn các khoản học phí này để làm một cái hàng rào chầu con nhà nghèo trước sự học, thì sự học của ta sao còn được gọi là độc-lập nữa. Cái học có phải là để rành riêng cho con nhà giàu đâu. Nếu học mà còn phải mất tiền thì cái học di tài không sao tránh được. Nếu cái học lại dễ như hồi ta còn độc lập, trước khi người Pháp đến xứ này, thì dân ta vốn là một dân hiếu học, việc học không cần phải cưỡng bách, mà

rồi ta sẽ không có một tên dân quê nào là không biết đọc, biết viết nữa. Cái cảnh ngược đời: một ông « hán lâm » cầm thư của con nhờ người đọc hộ, sẽ không thấy nữa.

Bàn thêm. — Các trường mới lập ra thì nên xếp đặt một cách rất đơn giản cho đỡ tốn tiền. Ban ta nhờ được lợi hiện tại, có thể mở được những lớp lộ-thiểu (cours de plain air) một cách dễ dàng, mà biện trước bởi chiến tranh, các nước Âu-Âu đang thì nhau lập ra, theo phương pháp của thuyết tự-nhiên (naturisme).

Rất mong các vị có nhiệm vụ về việc học của dân ta bắt tay vào làm việc ngay cho quốc dân, được nhờ, quốc gia được nhờ. Dân ta ngủ đã lâu lắm rồi, bây giờ mới dậy thì mặt trời đã lên cao, các bạn láng giềng của ta đã đi trước, ta xa lắm rồi. Ta phải gấp gáp bước mau thôi mới mong kịp người được.

NGUYỄN PHƯƠNG

Báo, Sách nhận được

— *Giáo giạt* (thơ) của Băng Thanh dày 52 trang, giá 2 \$ 00 — Tác giả xuất bản.

— *Thanh niên* tạp chí, giáo dục, văn chương hoạt động — số đặc biệt chào mừng nền độc lập giá 1 \$ 20, ra ngày 15-4-45.

Xin cảm ơn bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng các bạn

T. T.

Những cuộc cách-mệnh..

(Tiếp theo trang 29)

Phạm Cựội nháy mắt nói: « Tôi chết được rồi, vì tôi đã làm xong việc! » (1). Kết-quả trái bom này giết được năm người Pháp. Viên Toán-quyền Mérilh vì vội núp xuống gầm bàn, nên được thoát nạn. Còn Phạm thì nhảy xuống sông mà trầm mình.

Việc Thái-nguyên năm 1917 (2)

Bấy giờ cuộc Au-chiến (1914-1918) đang ở vào thời-kỳ lịch-lệch. Người cách-mạng quốc-luân-vong, phạm ai đã có nhiệt-huyết cũng đều nấp-nhảy muốn động. Sở dĩ cuộc cách-mệnh phát-ra ở Thái-nguyên, là vì ngoài cái viên nhân nói trên, còn các cận-nhân này nữa: Viên Công-sứ « Đạc » (Darles) và viên Giám-binh ở Thái-nguyên khi đó rất tàn ác. Chúng hết sức ngược-dãi anh-em binh-lính và tù-nhân, gạ mỗi bất-bình vào làm-làm những người đã nhận ôn-tư-tướng cách-mệnh. Ga dĩ, trong tay Thái-nguyên bấy giờ có giám-lượng Ngọc-Quyên tức Ba-Quyển, và đại-cử của Hoàng-Hóa-Thẩm trong có Ba-Chi-Nguyên Giả-Cầu và Ba-Nho hàng 3, 40 người toàn là những tay bắn-giỏi cả. Mỗi khi người bên-quân-giới tiếp-xúc với phái cách-mạng-phạm này là một dịp-tiện để họ kêu-gọi cái mầm-báo-phục-đang-là-y-nghĩa-ngân trong những đầu óc nặng-triu những mối uất-ức, căm-hờn.

Từ-rồi cuộc cách-mệnh bùng-nổ vào hồi 11 giờ đêm 30 rạng 31 tháng tám 1917, xướng-suất bởi bốn-yếu-nhân trong quân-giới kờ

xanh: Đội-Căn, Đội-Giá, Đội-Tương và Cai-Xuyên (3).

Các nhà Cách-mệnh ấy đã hành động những việc dưới đây từ ngày 31 tháng tám đến mồng 3 tháng chín 1917:

Sau khi đã triệu-tập được những phần tử hướng-đang và xử-tử những kẻ phản-động rồi, Đội-Căn kéo sang nhà-pháo-thả tù, giết chết vợ chồng viên giám-ngục Loew.

Khi tìm đến chỗ giam Ba-Quyển, thấy xiềng sắt quá kiên-cố, họ phải gọi thợ rèn đến kéo bẻ mới chặt xiềng phá-rách được. Vì bị giam-cầm-lậu ngày bằng nửa hình-cụ tàn-bạo, Ba-Quyển đã đau-lệt cả chân không sao cử-động được một-bước. Sau khi giải-phóng, phái Cách-mệnh phải sai người công-Ba-Quyển đi.

Thả độ 20 tù trong có một ông Tú (không rõ họ) ra-rời, họ dẫn sang trại-lính, quần-phát cho áo-mặc và khố-giới. Đội-Giá ở lại coi giữ nhà-lao.

Họ giết viên Giám-binh Noel, viên Phó-quan và Đội-Hành. Họ chém 7, 8 người lính kờ xanh không chịu theo họ.

Bấy giờ quân Cách-mệnh, do Đội-Căn cầm-đầu, đã tổ-chức thành hai liên-đội (compagnies) có những khố-giới này:

92 khẩu súng-trạc, 75 khẩu súng-trường, 1 khẩu súng-lục, 16 thanh-lưỡi lê và 62.175 viên đạn.

Họ bắt-quân-địch tuấn-tiền những địa-điểm định-binh, đào-hầm để dùng trong khi tác-chiến.

Họ phá-toà-Sứ, những buồng-giấy toà-Sứ và nhà Giám-binh.

Quân Cách-mệnh bấy giờ đã lên đến con số 623, trong có Kỹ-Kinh, Kỹ-Cầm (4) là người hàng-phố, cũng tham-gia vào.

Họ giữ Thái-nguyên được 4 ngày. Trong khi chưa hạ được đồn-lính-tây ở tỉnh-ly, thì viện-binh của Pháp đã từ Hà-nội kéo lên rồi. Sở dĩ quân Pháp lên được nhanh chóng, là vì một người Nam làm ở Giây-thép hết sức « trung-thành » (1) cố ba lần liều chết (1), bỏ (1) sang nhà Giây-thép để đánh điện về Hà-nội, nhưng giây đường Hà-nội bị đứt, lại đánh điện tin sang tỉnh khác (có lẽ là Bắc-giang) rằng « Thái-nguyên có giặc! » (5). Vì bức-điện này, cuộc cách-mệnh mới đến thất-bại!

Bị cứu-binh bên quân Pháp vây-hãm, và ném bom, quân Cách-mệnh bấy giờ còn tất cả được độ 250 người, phải rút-ra khỏi tỉnh-ly. Thái-nguyên hồi 8 giờ ngày 4 tháng chín trải qua nhiều trận-huyết-cử, ngày 20 tháng chín 1917, quân Cách-mệnh chỉ còn 165 người có khố-giới thôi. Đến ngày 20 tháng giêng 1918, chỉ còn 12 chiến-sĩ tàn-máu trong các khu-rừng!

Ba-Quyển, từ khi thấy cuộc cách-mệnh có cơ-thất-bại, liền tự sát ngay trước.

Ông Tú, một yếu-nhân trong số chính-trị phạm được giải-phóng, cũng tự-trảm ở Giang-nghệ.

Đội-Căn, sau bao trận tử-chiến với quân Pháp, phải bắt-phát đạn-biệt-quang thương-chết ở trên núi Phao-thộc-Vĩnh-yên ngày 5 tháng giêng 1918 (6).

Thế là cuộc võ-trang cách-mệnh tàn-vỡ sau 5 tháng trời oanh-liệt!

Đây trở lên, tôi chỉ lược kể những cuộc cách mệnh có tiếng từ khi Pháp thuộc. Ấy là chưa nói đến những việc quật khởi như Tổng-Duy-Tân và Bãi Sậy v. v., những cuộc âm mưu như Sài Phấn và Trần-Cao-Vân v. v., (tức việc vua Duy-Tân năm bình thien, 1916).

Còn những cuộc cách-mệnh gần đây như Việt-nam quốc-dân đảng, và Yên Bái, các bậc có thể đọc cho biết đại khái ở bài « phỏng vấn » của bạn Phạm Mạnh Đoàn và bài « Gợi máu hi sinh » của Song-Cối cũng đăng ở số báo này. Đến như Tân Việt cách mệnh đảng thì các bạn có thể xem ở bài ký sự của bạn Nguyễn Tổng đang viết trên tờ *Hải-phóng nhật báo*.

Giấy 1, chuyện nhiều, xin hẹn với cả độc giả thân mến ở một cuốn sách dưới đây để chờ bài này đã nêu lên đó.

Để kết, tôi xin mượn mấy câu trong bài của Kỳ-hoại-lưu Cường-Đề từ Đông-kinh gửi về khuyê: quốc dân ngày 11 tháng giêng 1944:

«... Ông chủ trước bình Nước sát Thát;
Nói giống mình hèn nhất chi đâu?

« Hồi hăm nhăm triệu đồng-báo!
« Chuyện ta, ta phải liê sao, bấy giờ?
« Hồi anh em chi em ta!
« Hèn thân cho nước mới là quốc dân... »

HOA-BANG

1) Theo tài-liệu trong bài bìa do Hồ-Hải-Dã vẽ mô Pagan-Hồng Thái ở Quảng-dông.

2) Theo những lời kể lại của mấy cụ già đồng tù ở Côn-dảo với những người dự việc khởi nghĩa Thái-ng-yên. Lại thấy khắp trong cuốn *Histoire politique et militaire de la province de Thaï-nguyen* của E. Doufès (Hà-nội, 1934) và chữ: *La garde indigène de l'Indochine* của E. Doufès.

(3) Phải chăng thế là Cai-Chên?

(4) Hai ông này sao chết trận cả...

5) Đây theo tài-liệu riêng của tác giả. Còn theo cuốn *La garde indigène de l'Indochine* của E. Doufès thì viên chủ sự này, tức Thái-nguyên bấy giờ là một người Núi, bị phái Cách-mệnh bắt ép phá hủy bộ máy điện tín, nhưng người này cố đánh được mấy tên lính của Pháp: « Thái-nguyên có giặc ».

(6) Theo như tờ *Thư tín* của S. Lel ngày 12-1-1918 thì do tên Sĩ-quân làng Hương-xã-hoàng, tỉnh Vĩnh-yên, trước theo khởi nghĩa, sau phản bội, giết Đại-Cán.

THỜI MỚI, LỊCH MỚI

LỊCH VIỆT-NAM

Long-Điền biên tập

LỊCH VIỆT-NAM là thứ lịch bóc như lịch trên thổ giới vẫn dùng, nhưng khác ở chỗ làm theo ngày tháng Việt-Nam vì thế gọi là Lịch Việt-Nam.

LỊCH VIỆT-NAM đã xuất hiện một lần năm Quý-Dậu (1933); nhưng vì máy in sương rêu, nên chỉ vẽ vắn được một lần rồi phải lần nần chờ thời, quang tàn.

LỊCH VIỆT-NAM nay đã phù ứng thời, số tá hiện năm Bình-thập (1946).

LỊCH VIỆT-NAM có những tính cách sau đây:

- 1) Sẽ bắt đầu từ 24 tháng một năm Ất-dậu (1-1-1946) bóc đến 30 tháng chạp năm Bình-tất từ là 13 tháng; như vậy để tiện tiếp thế ngay vào lịch-tây vừa hết từ năm sau giờ sẽ bắt đầu từ mồng một tháng giêng đến 30 tháng chạp ta.
- 2) Để tiện việc phò dịch quốc-lễ, mỗi tờ có chưa đủ ngày, tuần, tháng, dương-lịch.
- 3) Mỗi ngày có ghi rõ một việc xảy ra trong lịch-sử nước nhà, để gây tình-thần ái-quốc.
- 4) Năm-thị-tính từ đời Hồng-Bang lập quốc đến năm tới là năm 4825 (Hồng-Bang 2879 tr. Gia-lô + năm tới 1946).
- 5) Những ngày quốc-lễ và những ngày kỷ-niệm danh nhân đều in gáy và in chữ đỏ để cho dễ nhớ.
- 6) Ba ngày Tết Nguyên-đan, Tết ba chữ đỏ Pháo, Lộc, Thọ.
- 7) Các ngày thường in giấy trắng mực đen.
- 8) Trong tập lịch có sen nhều tờ giấy các mẫu để in quảng-cáo các nhà thương-mại, kỹ-nghệ.

Tại các chương-trình lễ thế mong các bạn xa gần có ý kiến gì, thêm xin chờ biết, và các nhà kỹ-nghệ, thương-mại định dùng bao nhiêu xin sớm cho hay để chúng tôi tru-liệu.

Gratias và giá: quảng-chợ sẽ xin trình sau.
TY XUẤT BẢN TRI-TÂN
kính cáo

ÔNG NHƯỢNG TỔNG

(Tiếp theo trang 7)

Km vào đảng, phải giữ tay tuyên thệ trước mặt các đồng chí, đại khái: « Trước giang sơn tổ quốc, trước mặt các anh em đồng chí, tên tôi là Mỗ bao nhiêu tuổi, thề xin giữ bí mật cho đảng, phục tùng mệnh lệnh của đảng, hy sinh tài sản, tính mệnh cho đảng. Nếu sai lời xin chịu tử hình. »

— Đảng tổ chức như vậy chắc cũng có nguyên lợi-tức gì dễ chỉ lên các khoản ?

— « Tên của đảng một phần là do các đảng viên đóng, mỗi người mỗi tháng hai hào. Nhưng người đi làm công sở mà có lương tháng thì phải góp hàng tháng hai mươi phần trăm số lương. Các nhà nông công, thương, phải nộp hàng năm hai mươi phần trăm số lợi tức. Ngoài ra đóng lại mỗi cuộc lạc quyền trong các đồng chí. Nhìn ông em đã giúp đảng hàng vạn ! »

Biết rõ về cách tổ chức, tôi hỏi hỏi tới chương trình của Việt Nam quốc dân đảng thì ông Nhượng Tổng liền đứng lên đi tản bộ trong phòng như có vẻ suy nghĩ. Rồi ông thư thả nói :

— Chương trình của đảng có 4 thời kỳ : phối thau, dự bị, phá hoại tức cách mệnh với người Pháp và kế tiếp Chúng tôi chưa làm xong cái chương trình ấy thì đã bị vỡ và bị người Pháp t.đ.đ. tay đàn áp. Chúng tôi mới tới thời kỳ thứ ba. Còn thời kỳ thứ tư là kiến thiết quốc gia theo chương trình khi ấy là lập nước Việt Nam ta thành một nước cộng hòa xã hội.

— Ông làm ơn cho biết Việt Nam quốc dân đảng hành động khắp trong nước hay chỉ có ngoài ngoài Bắc ?

— Chúng tôi đều lập chi nhánh ở khắp Trung, Nam nhưng đồng chí ở tại nơi đây không có mấy. Hồi đó Nam - lý phần nhiều theo Nguyễn an N.ư. Trang-ly thì theo Tân Việt cách mệnh đảng và Tân N.ến đồng chí hội. Chúng tôi có phái người đi liên lạc đề mong hợp nhất không những ở trong nước mà còn cả các đảng cách mệnh ở X.êm, ở Tàu. Nhưng đều mong ước đó không được thực hiện.

Tôi lên bước sang câu hỏi phụ đề biết qua về văn chương cách mệnh :

— Ngoài các sách của Nam Đồng thư xã. Việt Nam quốc dân đảng có còn các bài văn nào trong thời kỳ tuyên truyền chăng ?

— Khi Việt Nam quốc dân đảng thành lập thì vừa là lúc Nam Đồng thư xã bị người Pháp bắt đóng cửa. Các sách đã xuất bản như *Gương thiếu niên*, *Gương thanh bại*, *Trung Vương diễn nghĩa*, *Tôn dật Tiên*, *Dân tộc chủ nghĩa*, *Dân sinh chủ nghĩa* phần nhiều bị cấm và tan nát cả.

Tôi hỏi đó có làm cuốn *Cách mệnh tiên thanh*, trong đó kể người Pháp 32 tội ! Sách in giấu không cho nhà đương cục biết.

— Nghe nói trong sách ấy có một bài *Cách mệnh ca*, ông còn nhớ xin cho biết.

— Tôi chỉ còn nhớ có tám câu đầu là :

« Lửa để quốc thiếu tàn sơn
giống

« Sống cường quyền vô động
năm châu

« Nước đến chân, lửa đốt đầu

« Khỏi tanh sạch sạch hội sấm
mẻ man

« Giống mạnh những moi gan
móc mắt

« Loài gặm cam sắp mặt cúi
mây,

« Thâm nào quá thâm lúc này

« Nhục nào hơn nhục ngày
rày nữa đâu !

và mấy câu cuối :

« Xin đừng dậy cùng lên tiếng
hát

« Gọi hồn mẹ hét quát gió mây

« Nắm da uống máu có ngày

« Xong tên đột đạn phen này
mới xong,

« Càng dần bước xin cửng
dẫn bước

« Gậy binh đao gây cuộc binh
đao

« Phất cờ đao, đỏ máu đao,

« Nam đồng bào, nữ đồng bào
tiến lên ! »

Ngoài mấy câu đó tôi còn nhớ trong có một bài quốc ca :

« Một lời đồng tâm, liền thân
vì nước

« Góp chung máu đào quyết rửa
tù chúng

« Con đường quang vinh vui
chân cùng bước

« Chết đáng chết trên trần thế
mấy anh hùng ?

« Chết đáng chết trên trần thế
mấy anh hùng ?

« Càng loài sài lang, thề chẳng
đội trời chung.

« Sống ra không thẹn cùng hồn
sông !

« Chết đi không hề cảm-cha
ông»

« Nào anh em đồng chí!

« Xin tiến lên cùng!

« Lấp sừng, anh em tiền quân!

« Tuốt guom, anh em tiền
phong!

« Tuốt guom, lấp sừng,

« Tiến lên! Tiến lên! Ta phấn
đấu tới cùng!

— Thế đảng đang hành
trường, chẳng hay vì lẽ chi
lại bị vỡ?

— Đảng bị tiết lộ là vì có
nội công.

— Có lẽ rồi sau đảng cũng
rõ con người phản bội?

— Người ấy chính là Bùi tiên
Mai ở Thái Bình. Trước lần
làm thừa phái và tại là đại biểu
cho tỉnh bộ Thái Bình để dự
vào trung ương đảng bộ.

Hắn đi tố cáo với quân địch
nên các đồng chí ở Thái Bình
và các đảng viên ở trung ương
đảng bộ đều bị bắt, trừ chủ
tịch Nguyễn Khắc Nhu và phó
chủ tịch Nguyễn Thái Học trốn
thoát.

Giáo đó-nhiều bạn đồng chí
ở bên Tàu muốn đón anh Học
sang bên đó, nhưng anh nhất
định không chịu đi.

Anh Nguyễn Khắc Nhu sau
cầm đầu trận đánh Hưng hoá
và chết ở trận.

— Sau khi bị tiết lộ, đảng
có hành động gì nữa không?

— « Sau việc bắt đầu năm
1929, chúng tôi, những người
còn lại định tổ chức cuộc khởi
nghĩa ở toàn hạt Bắc Kỳ của

bạn tôi chủ ý nhất là Hà-nội.
Vì vậy ở trường bay Bạch mai
chúng tôi có tới hơn 30 người
đội là đồng chí và trong đó
quân thứ 4 và thứ 9, có hơn
ba trăm hạ sĩ quan là đảng
viên.

Nhưng sau đó phải bạn
của đội Dương, các võ trang
đồng chí đều bị bắt và bị cách
chức. Đảng có phải người đi
tường trệ đến D oing bị tiết
lộ và bộ đội Dương là giáo Du
thì bị bắt ở đầu Fang đầu.

Thành ra khi k ở ng ĩa chỉ
đánh được có Yên Lay, còn ở
Hà-nội chỉ làm được có mấy
quả bom.

Trong khi ấy ở Hải-dương, Bắc
ninh, Kiến-an, Thái-bình, Phá
lại, Hưng-hóa, Vĩnh-bảo, Phú
dục đều có nội biến. Những nơi
này các đảng viên cũng bị đàn
áp và tàn sát cả. Sau vụ Yên
bay, lần đầu 13 người lại mà
chém, trong đó có Ngô Hải
Hoàng, Nguyễn Thanh Tuyết,
Nguyễn Thái Học, Phó đức Chính
v.v.; lần thứ nhì hơn ba mươi
người, tất cả hơn 50 người bị
thiệt mạng! Ngoài ra gần 3
nghĩa người bị đẩy sang lại, và
ra Côn Đảo!

— Thế ông bị bắt vào hồi
nào?

— Về phần tôi, năm 1929 bị
kết án năm năm cấm cố (de en-
tion), 5 năm bặt xứ, không
được đến các thành phố lớn.

Nói đến Việt Nam quốc dân
đảng khi bị đàn áp, tôi bị bắt
lòng nhỏ, tôi đảng, trưởng và
có Giang một nữ đồng chí của
ông, điều kiện sống.

— Thưa ông, chúng tôi còn
nhớ giáo đồ đảng có nữ đồng
chí là có Giang, chẳng hay có
nhập đảng vào thời kỳ nào
và giữa có với Nguyễn Thái
Học có giấy liên lạc một thiết
gì chăng?

Ông Nhượng Tống nói ngay:

— Có Giang chính là vợ anh
Nguyễn Thái Học

— Ông cho biết qua về thân
thế Nguyễn Thái Học?

— N ười anh học là sinh
viên trường Cao đẳng thương
mại và trước có học qua bên
sư phạm. Anh người lễ nết,
nhưng nóng tính. Tôi quen anh
năm đó vào trape 24 25 Quê
anh ở làng Thổ lang, phủ Vĩnh
tường, Vĩnh yên. Là người bị
quân Pháp đốt phá và bị đánh vỡ
lỗ.

Cụ thân sinh ra anh đã mất.
Nay tôi còn cụ bà mà tôi vừa
tới thăm cách đây ít lâu. Anh
có ba anh em. Em thứ nhất là
Nguyễn Văn Nho cũng vào đảng
sau bị kết án tử hình. Em thứ
ba năm nay mới ngoài 20 tuổi.
Anh là người đồng quân của
ông đội Cận người đã làm đầu
cuộc đánh phá Thái nguyên.
Theo chỗ tôi biết thì đời cách
mệnh của anh chịu ảnh hưởng
rất nhiều của đội Cận.

Còn có Giang. Nguyên
đảng tôi không có lệ cho vào
nhập đảng. Có thuộc về chi bộ Bắc
giang, Chi bộ 3 thành lập trước
khi có Việt Nam quốc dân đảng

Nhà anh Sĩ Nhụ đã trốn thu nạp
những đồng chí, nên chỉ riêng anh
bị bắt ở quê nhà.

Cô Giang cầm lấy anh Học độ hai mươi tuổi. Nhặt chỉ có ba chị em gái, cần làm cách mệnh cả! Cô Bắc là chị cả, bị kết án đầy chung thân. Cô thứ ba là cô Tinh không bị bắt. Cô Giang tự tử ở đầu làng anh Nguyễn Thái Học. Nghe dân biểu nay có miếu thờ cũng như người ta đã thờ Trần Quang Diệu ở Cổ Am, vì anh là người đã đánh huyện Vĩnh Bảo!

— Người ta kể chuyện khi Nguyễn Thái Học bị hành hình ở Yên Bối thì Cô Giang thu mình trong bộ áo màu nâu có đường trong, đám quần chúng mà chứng kiến vụ tàn sát đó. Chuyện ấy có thật chăng?

— Có thể có được lắm, vì cô Giang là một đảng viên rất trung thành.

Sau khi biết căn cứ về Việt Nam quốc dân đảng, tôi lập hội về tình hình hiện thời của đảng.

Người tôi tiếp chuyện thông thả trả lời như muốn cần nhắc từng câu hỏi:

— Ngày trước người Pháp đàn áp chúng tôi, thì chúng tôi phải lần lượt bỏ trốn. Nay chúng tôi được tự do hành động.

Công việc hiện nay, đảng chúng tôi đang tập trung với đảng quốc gia để lãnh đạo cho quần chúng trong công việc nhận biết lấy nghĩa vụ và quyền lợi của một người công dân, để giúp đỡ chính phủ quốc gia cùng giám đốc các quan lại trong mọi công việc kiến thiết.

Như vậy là để mong nâng cao được trình độ sinh hoạt và tinh thần của đại đa số dân chúng.

Việc hợp nhất ấy cơ hồ đã thành sự thực. Một dân tộc khi phục sinh, bao giờ cũng đứng ở một

quốc hồn mạnh mẽ. Khi quốc hồn của ta đã mạnh mẽ thì sự đồng tâm sẽ được hết thảy các con nước....

Nói đến đây ông cần dặn:

— Ông nhớ gạch chữ con nước.

Rồi ông tiếp:

— Hết thảy các con nước coi là thiêng liêng. Cho nên trông thấy sự hy sinh, sự cố gắng, sự một lòng một dạ của các anh em chân chính ái quốc đứng trước công việc lịch sử trong lúc này, tôi rất lấy làm lạc quan. Tôi quả quyết tin rằng, với sự đồng tâm ấy, dân tộc Việt Nam ta đã bước sang một giai đoạn mới trên đường tiến hóa.

— Đảng hiện nay có định chiêu tập một đại hội nghị để tiếp tục bàn các công việc?

— Không cần, Đảng chúng tôi trong lúc này chỉ là tiếp tục các công việc thường.

— Hiện giờ trong đảng ai làm đảng trưởng?

— Chúng tôi không hề có đảng trưởng. Quyền tối cao trong đảng trước kia là ở người chủ tịch Trung ương đảng bộ mà nay thì ở thường vụ ủy viên hội.

Cuộc phóng văn kéo dài đã gần hai tiếng đồng hồ. Giữa tay từ già giữa lúc mãn tối bao phủ vạn vật, tôi tự nhủ, nếu còn người Pháp ở đây từ ra đến tới cũng đã bị diệt vào bằng chính nghĩa và bất đầu một tên mà ta đã chà đạp dưới bóng tối để dõ là hành động. Vì tôi đã dám công nhiên nói chuyện với một tư tưởng trí tuệ và đại chúng vào một đảng bộ của Việt Nam quốc dân đảng!

PHẠM-MẠNH-PRAN

Hải ngoại huyết thư

(Tiếp theo trang 12)

Nào là kẻ bẽ bối có khi,
Nào là ai thông kỹ có lòng
thì nên:

Người một nơi bưng để một nơi,
Trước là ghe lợi cho người,
Sau là vận nước phúc giời về sau.
Cứu gia tử đệ nào thì những ai?

thì nên:
Nghĩa phúc thù chép để một bề.
Còn người đi du học thì nơi
Khuyến ai cứ ra công gắng chí
Đầu đầu non lắt bẻ cũng nên
Tinh thần lúc dạ như in,
Đá vàng cũng rút một lên bề
nhằm.

Này cha mẹ anh em chú bác,
Dẫn trong ngoài ai khác gì ai,
Người trong phải có người ngoài
Đồng tâm há phải những người ở
trong.

Tóm lại, nếu dân trong nước, cả
các phái, các hạng đều đồng tâm
mưu ý như thế thì:
Việc gì coi cũng dễ như không,
Không việc gì việc không xong,
Nên không, xong quyết là không
có giời

Áy ý nghĩa bản Hải ngoại
huyết thư này, mà văn chương
định bản ấy hay là như thế này là
cái lúc ta cần phải giảng minh
nghĩa hai chữ đồng tâm thì ta
ai cần biết đến bản ấy. (1)

Trước khi đem bút, ký giả
mong các bạn đọc:

«Đem những chuyện nhiệt thành
ai quốc,
Bảo một người, tình được một
người,
Dẫn lần từ một đến mười
Trăm nghĩa, sự cơ ai tình dân.
Ai cũng biết hợp quần là thế.
Khắp bọn này bọn ấy hợp nhau.
Giáo nhân khi sẵn bằng mưu,
Chỉ tám một phút đầu đầu cũng
đồng»

Khất sinh DƯƠNG-TỰ-QUÁN

(1) Nguyễn Văn Bửu đã có in
trong sách «Dương-Bá-Trạc» sắp
xuất bản.

Tai nghe mắt thấy...

(Tiếp theo trang 15)

Quan hỏi: (bằng tiếng ta vì ngài thạo lắm):

— Nay, thầy cái! đồ kẻ hết mấy thuyền?

— Đại hăm Cự lớn, ba thuyền cả!

— Tốt! Tốt lắm!

Xem xong, quan lên xe hơi, phóng thẳng về Hà-nội vì ngài còn kinh lý đã khác.

Có người tò-mò hỏi bác nai thảo:

— Nay cụ-Cai hôm mọ đồ kẻ ở đây chỉ có một thuyền đá, sao cụ lại khai với quan những ba thuyền?

— Vu- (vous) thật - thả quá! này nhó: ông Hà bí một thuyền Cự lớn một thuyền còn phần lại một thuyền, thả ba là gì!

IV) Quan đốc học

« Lưu linh »

G... làm banb tra sơ học kiêm đốc học tỉnh Thanh hóa là một người Pháp trung giáo-giới mà thoát nhieu tướng anh đánh cá (nghe đầu qae ở xứ Bretagne) tính nết đã lười nhát lại hay câu kinh, chỉ có một đức tốt là nghiện rượu.

Sáng uống, trưa uống, chiều cũng uống. Mỗi khi « từu nhập » thì đến nhà giấy với cái mặt đỏ gay, đôi mắt riều-bần quắc, đến công, gặp khăn-trường lá gât, vào nhà giấy gặp phần việc lại gât, ra sân gặp học trò cũng gât.

Mỗi ngày đến qua loa, rồi về đình — nói cho có vẻ — một nhẽ bồn bồng lúc nào cũng đóng cửa m-âm.

Đã có nhời dân: giết giết ăn đem đến nhà kỹ, không lấy gì ở bàn giấy, vì hẳn đến như giết và ra sẽ từng như gổ.

Một buổi chiều, trong giờ làm, tùy-phái mang công-vấn đến chờ mãi, chờ mãi... Sau nóng ruột, hỏi quan thưa chửa; người nhà vô ý mở cửa phòng ăn: một người to lớn, chỉ mặt một chiếc áo sơ mi (chemise) rộng, rậm lông sượt dưới đất, đang gục đầu vào cách tay, ngáy khò-khò...

Một nhà sư-phạm Pháp một đồ-đệ trong thành của Lưu linh!

V) Đồn Toàn-quyển Merliu

Tin Toàn-quyển Merliu dùng xe hỏa ruộng ra Hà nội làm rộn rịp cả phía bắc xứ Trung-kỳ, nhất là ở Thanh-hóa, vì Toàn quyển sẽ đứng lại dùng cơm trưa.

Trên đường cái từ Thanh hóa — Đồng giáo — nơi có cột mốc phân địa giới hai xứ Trung Bắc kỳ — những làng thuộc hai Huyện, Hà-tung đều nhận được giấy sức phải đem cờ thêu cắm dọc đường và bày hương án hai vụng.

Tiếp giấy sức, cai tổng sức cho chánh, phó lý bắt dân phu mang cờ đến chỗ phải đóng, nhưng phải cầm từ chiều hôm trước. Những phu sơ mắt có hạn, phải đến làng, nên mang theo cơm phẩm suốt đêm ăn ngủ ngay chỗ, để « canh cờ ».

Sớm hôm sau, nào cờ, nào tào nào hương án bày ra la-lệt cạnh đấy cáo thần bạo, kỳ lão, mặc áo thượng xanh chờ sẵn.

Trên đường đã t-đong xỏ phẩm chầu ánh nắng nóng như thiêu như đốt, mà bao nhiêu người phải chờ. Chờ mãi đến xế chiều mới thấy từ xa là là một đoàn xe hỏa kết băng tam-tải tiến đến rất mau.

Chiêng trống nổi, Đại Am rồi khêu, các kỳ lão, tuổ đã già, kếm breg cúi vái. Tàu đi từ Hà nội qua, nhưng... Táo không phép, mà vào quan sai-tri, áo-thắng gi lom vàng-vàng tỏa sau — cũng rợp rợp một cách chế nhạo, theo chiều gió thả một mảnh giấy, xuống. Ai lấy sức lại đọc, rồi, rồi họ có một câu bằng chữ Pháp: « Toi là chand-van pi-ong Quaiet, quan Toàn-quyển sẽ đi ở to sau ».

Thế là bão... lại đợi... xuất bi-đi chiều cên lêm, khi mọi người đã giải tán, khi các phu đã ngủ dưới cột cờ thì một đoàn xe hỏa chạy rất nhanh như một toán binh kéo trong đêm tối.

Bị chết hụt ở Quảng đông, Toàn-quyển Merliu phải đi rồi, không lên, không trông!

ĐỀ-ĐAM lược thuật

(Rút trong cuốn « Ba năm Trung-kỳ » 1921 — 1922)

Đã có bản:

ĐÀO DUY TỪ

Sách khảo của của

Khất-Sinh Du-Ông-Ty-Quán

Có nói đến bộ lịch sử kinh khư cơ, bộ binh pháp rất lạ của Từ, 130 trang, in giấy trắng, khổ 8x10.

Giá bán 65 xu (1920)

Hiệu (Sách) Đệ-Đang TAY

195, Hàng Bông Hanoi

Khi mới độc lập, ... (Tiếp theo trang 9)

Tháng tư năm Ấy «vua Lê-Lợi họp tập các tướng sĩ đem mười điều quân, biển (phép nhả binh) ban bảo trong quân (K. đ. v. s. q. 14, tờ 12b-13a).

Tháng năm năm Ấy: «định những hiệu lệnh trong quân» [K. đ. v. s. q. 14, tờ 13 b) và ra lệnh tuyển những người tinh tráng bỏ vào thân quân. «Lúc ấy thân quân lẫn họ chưa đủ ngạch, vua sai thiếu úy thuyên trong dân gian lấy những người thân thể khỏe mạnh, (trắng) và tinh võ nghệ (tinh), được tại trăm người dều vào số Ấy» (K. đ. v. s. q. 14, tờ 14 a-b).

Sang tháng chạp năm 1423 «Lên ra quân trước. Lúc bấy giờ những cô gái, thuyền bè, đồ đạc ở các quân thủy bộ, chưa có phép nhất định, vua Lê-Lợi định: trong đội dùng cờ vàng, thượng đội dùng cờ đỏ, hạ đội dùng cờ trắng; mỗi đạo hoặc mỗi vệ thì chủ tướng dùng một lá cờ đại, trong quân thì dùng hai lá cờ trung, mười lá đội kỳ bốn mươi lá cờ nhỏ, thuyền hỏa chiến mười chiếc, thuyền nhỏ hai chiếc, còn những ống-lệnh, cờ-mệnh, dáo-dải, một loa, tên tay và cần lăm, đều tùy số quân nhiều ít mà định. Lại đặt chức hỏa đầu làm chánh phó ngũ trưởng» (Khâm-định Việt sử, q. 15 tờ 14 a).

Đến tháng hai năm sau (1429) thao diễn binh lính xong, chia binh về làm ruộng. Trước kia vua Lê-Lợi đến Đông-dò, dụ các trưởng-sĩ rằng: Nay ta thấy

những ba mươi nhăm vạn quân, dôi khi đánh được Đông-dò, thả hai mươi nhăm vạn về làm ruộng, còn lưu lại mười vạn, để phòng vệ. Đến đây (1429) sắc các vệ quân năm đạo, đều tập trận pháp quân thủy quân bộ, thao diễn xong, chia làm năm phiên, một phiên ở lại ban làm lính, bốn phiên về làm ruộng» (K. đ. v. s. q. 15 tờ 19 a).

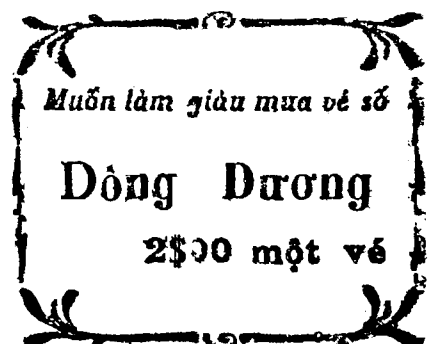
Thế là việc văn việc võ và trăm quan giúp sức đủ cả. Nay nói đến việc dân. Năm 1427, «Vua dụ cho các người lưu-di đều về nguyên-ích. Lúc ấy nhân dân gặp loạn lưu tán ở các nơi nay vua dụ cho những dân ấy đều về nguyên-quân cho khỏi thất nghiệp» (K. đ. V. s. q. 14, tờ 12 a-b).

Tháng bảy năm Ấy (1427) vua «sai các lộ cử chiếu sổ nhân-khẩu hiện - thời định làm bộ-lên. Từ bấy giờ về sau ba năm một lần làm lại: đó là che phép của đời Trần» (K. đ. V. s., q. 14 tờ 16a).

Đến tháng ba năm 1428, tức là khi người Minh đã về Tàu, vua Lê-Lợi chia trong nước làm năm đạo. «Khi trước vua đến Đông-dò chia trong nước làm bốn đạo (đông, tây, nam, bắc) đến đây dẹp yên tất cả, lại trích những đất ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-binh và Thuận-hóa, đặt thêm đạo Hải-tây, và đặt ra vệ-quân, vệ thì đặt chức tổng-quân. Lại đặt chức hành-kiểm các đạo để chia nhau coi những bạ tịch,

quân và dân» (K. đ. V. s. q. 15, tờ 5 a).

Tháng mười một năm Ấy (1428) vua Lê-Lợi «ban chiếu làm sổ dền sổ bộ, đặt chức xã-quan. «Nguyên» trước vua Lê-Lợi sai tra kiểm những đồ đồng, sắt, dẫu, vòng to, lụa, keo sơn, chám, sáp dẫu, minoi, vật gì là thô sản, và những điền-sản của Ngụy-quan (làm quan với giặc), nhà tuyết-tự và linh di ở rốn, đáng đem sung công, đều cho kê rõ để làm sổ. Đến đây (1428) vua chuẩn cho các quan châu, huyện, trấn, lộ, đi khám những hạng thuế thổ sản thuộc về đầm bãi ruộng và vàng bạc, các điền sản sung công, được bao nhiêu, kê rõ để làm sổ ban đến trong-tuần tháng hai năm sau là năm kỷ-dậu (1429) lên trình hộ-tỷ-h. Đến tháng tư năm quý-sửu (1433) sổ làm xong mới bắt đầu thi hành. Lại đặt chức xã-quan: Xã lớn 100 người trở lên thì ba xã quan, xã vừa 50 người trở lên thì hai xã-quan, xã nhỏ 10 người trở lên thì một xã-quan» (K. đ. V. s., q. 15 tờ 13 a b và tờ 26 b; Đại-Việt sử ký, toàn thư, q. 10, tờ 72 b).



Tháng giêng năm 1429 «Định phép quân điền. Vua cho rằng những kẻ chơi bời lười biếng phần nhiều xâm chiếm ruộng đất, mà những người có công đánh dẹp, không có thức tắc nào, thế thì nghèo giàu không đều, không lấy gì khuyến khích nghề nông. Bèn sai các đại-thần bàn định phép quân cấp, kể từ đại-thần trở xuống đến người già yếu, trẻ mồ côi người già góa, chia ra từng hạng, rồi tâu vua nghe» (K. đ. V. s. q. 15, tờ 18a). Vua Tự đức phê về việc quân - điền rằng: «Cái qui mô sáng nghiệp tuy chưa tới văn - minh nhưng đã dần dần được những lâu tập của Lý, Trần (tức là lối cho tơn-thất và đại-thần khẩn ruộng riêng), nhiều việc khả quan, vận nhà Lê được lâu dài, cũng phải»

Ngoài những việc làm sỗ, chia ruộng và tha thuế, có việc tiêu tiền là quan-hệ nhất trong sự dân-sinh. Cho nên sau khi vua Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, cho đúc tiền gọi là tiền «Thuận-thiên thông bảo». «Nguyên xưa trong đời Trần kiến trung (1225 - 1231), định lệ

69 đồng gọi là tiền gián, 70 đồng gọi là tiền chính. Đến đây (1428) định 50 đồng là một tiền». «Gặp lúc ấy tiền tiền thiếu, có kẻ dâng thư xin làm tiền giấy thay tiền thật, vua bèn chiếu các đại thần hội nghị thi hành. Trưng từ chiếu đại lược nói rằng: «Thứ tiền đồng đời xưa, bị người Tàu tiêu hủy, trăm phần chỉ còn một phần đến nay những việc quân việc nước, càng thấy thiếu thốn, cần cho lưu thông, đề tiện dùng cho dân, há chẳng khó thay! Hôm nọ có người dâng thư xin thay bằng tiền giấy. Trẫm đã suy nghĩ suốt ngày đêm, mà chưa được ổn, vì tiền giấy là vật vô dụng, mà thi hành vào những dân hữu dụng, thì thật không đúng cái ý yêu dân đúng của». giao xuống đình thần bàn bạc kỹ càng, thế nào cho thỏa». (K. đ. V. s. q. 15, tờ 14 b 15 a).

Rồi đến binh luật, vua Lê - Lợi lại càng chú trọng, cho nên sau khi lên ngôi, liền sai các đại thần định các luật lệnh về tử tụng» (K. đ. V. s. q. 15, tờ 10 a).

«Tháng hai năm 1429, định ra luật cấm uống rượu đánh bạc. Lúc bấy giờ phần nhiều người

chơi không, sinh ra ham uống rượu đánh bạc, cho nên nghiêm dụ lệ cấm. Người đánh bạc và chơi những trò bất chính bị chặt tay ba phần. Người đánh cờ vây bị chặt tay một phần. Không phải việc quan mà họp nhau riêng để uống rượu, bị phạt một trăm trượng. Nếu người nào biết thôi thì được giảm một bạc». (K. đ. V. s. q. 15, tờ 15 b).

Ngoài những công việc trị nước trị dân, lại có những việc đồn ngày nay ta có bắt chước, như «năm 1427, ra lệnh cho nhân dân các lộ, hễ người nào nộp thóc để cấp cho quân ăn, thì được phong tước, nhưng có thứ tự khác nhau (đại - khái nộp nhiều thóc thì được làm cao, ít thóc thì được hàm thấp). (K. đ. V. s. q. 14, tờ 2a).

Ấy đại - khái những công việc chính của mấy đời độc - lập tự chủ như thế, còn muốn xem cho đủ thì phải chép một quyển thật đầy mới hết. Đây là chỉ nhắc cho ta biết rằng: các bậc tiền-bối đều đã có sẵn những quy mô và kiến-thiết làm một nước tự trị, thật không hổ thẹn với giang-sơn Đại-Việt.

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỔ

TRI-TÂN SẼ XUẤT BẢN :

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

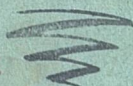
của HOA-BẮNG

QUÝ BÀ, QUÝ CÔ
T Ớ I

HIỆU THỊT GIA LONG

36, Phố Gia-Long — Hanoi

Giấy nôi : 19-64



sẽ rất hài lòng vì được ăn-
cần, tiếp đãi, mua được đủ
Thịt Bò, Lợn tươi hay ướp
lạnh, Mỡ Nước, Mỡ Lá, Bơ và
Pho Mát, thức ăn nguội đặc-
biệt, **VỚI NHỮNG GIÁ TỐI**
THIỂU và ĐÚNG CÂN, LƯỢNG.

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Quanceaulms, Hanoi